

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM

Ngày 25/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”, “SGDCK TPHCM”) đã cấp Quyết định Niêm yết số 481/QĐ-SGDHCM cho phép Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM (“HDBank”) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo dự kiến, ngày 05/01/2018 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **HDB**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử hình thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM trong thời gian qua

- Tên Doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
- Tên viết tắt: HDBank
- Trụ sở chính: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (84-28) 6291 5916
- Fax: (84-28) 6291 5901
- Website: www.hdbank.com.vn
- Giấy CN ĐKDN: Số 0300608092 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và thay đổi lần thứ 26 ngày 11/12/2017
- Giấy phép hoạt động: Số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992
- VDL hiện tại: 9.809.999.790.000 đồng (Chín nghìn tám trăm lẻ chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 1989	HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.
Năm 1992	HDBank nhận giấy phép hoạt động số 0019/NHGP ngày 06/06/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.
Năm 2010	HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN Việt Nam cấp. Cũng trong năm 2010, HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.
Năm 2011	Ngày 19/09/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”. HDBank đã hoàn thành việc tăng VDL lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
Năm 2013	Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Société Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance: <ul style="list-style-type: none">➤ Năm 2013, HDBank mua lại 100% vốn Công ty TNHH MTV Tài chính Việt-Societe Generale (SGVF) của Tập đoàn Société Générale (Cộng hòa Pháp) - một trong ba công ty tài chính lớn nhất trên thị trường cho vay tiêu dùng ở Việt nam để trở thành

công ty con của HDBank mang tên HDFinance.

Sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng:

- Ngân hàng Đại Á là một ngân hàng có bề dày 20 năm hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ là 3.100 tỷ đồng. Thông qua việc sáp nhập DaiABank vào HDBank, HDBank tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ VND, tổng tài sản gần 90.000 tỷ VND và trở thành 1 trong top 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

Năm 2015	HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD Saison.
Năm 2016	HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.
Năm 2017	Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 7% và cổ phiếu thưởng 2% cho cổ đông hiện hữu. Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

2. Quá trình tăng Vốn điều lệ

Vốn điều lệ thành lập của Ngân hàng khi đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức Ngân hàng Thương mại Cổ phần năm 1992 là 5.000.000.000 đồng. Sau 19 lần điều chỉnh vốn, đến nay vốn điều lệ của Công ty là 9.809.999.790.000 đồng.

3. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300608092 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và thay đổi lần thứ 26 ngày 11/12/2017, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm các lĩnh vực kinh doanh chính

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác, mã số 6419
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), mã số 6499
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mã số 6499
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, mã số 6619

4. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

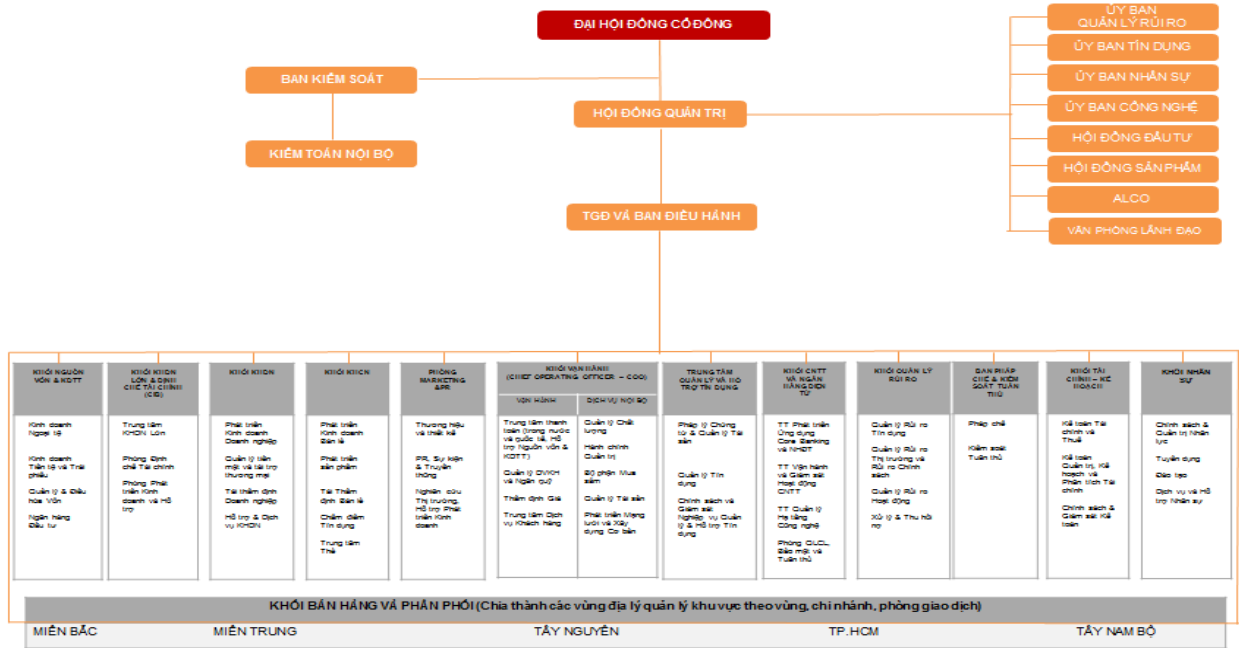
Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



Nguồn: HDBank

5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng



Nguồn: HDBank

6. Cơ cấu Cổ đông của Công ty tại thời điểm 14/12/2017

Bảng 1: Cơ cấu Cổ đông của Công ty tại thời điểm 14/12/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng (%)
I.	Cổ đông bên trong	104	135.454.590	13,81%
1.	HĐQT, BKS, BTGD, GĐTC, KTT	8	133.834.761	13,64%
2.	CBCNV	95	1.619.621	0,17%
3.	Cổ phiếu quỹ	1	208	0,00%
II.	Cổ đông bên ngoài	2.200	845.545.389	86,19%
1.	Cổ đông trong nước	2.120	630.804.549	64,30%
-	Cá nhân	2.078	221.596.083	22,59%
-	Tổ chức	42	409.208.466	41,71%
2.	Cổ đông nước ngoài	80	214.740.840	21,89%
-	Cá nhân	4	475.885	0,05%
-	Tổ chức	76	214.264.955	21,84%
	TỔNG CỘNG	2.304	980.999.979	100,00%

Nguồn: HDBank

7. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 14/12/2017

TT	Tên Cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Công ty Cổ phần Sovico (Đại diện sở hữu: Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT của HDBank)	0103028102	Phòng 1102, tầng 11, tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	130.899.221	13,34%

Nguồn: HDBank

8. Hoạt động kinh doanh

8.1 Hoạt động kinh doanh chính

8.1.1 Huy động vốn

Như các Ngân hàng Thương mại Việt Nam khác, huy động vốn là hoạt động truyền thống của HDBank từ những ngày đầu thành lập.

Bảng 3: Tổng nguồn vốn huy động của HDBank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.488	2,6%	178	0,1%	152	0,1%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.595	6,8%	19.685	14,0%	27.568	16,9%
- Tiền gửi của các TCTD khác	3.031	3,1%	13.621	9,7%	9.843	6,0%
- Vay các TCTD khác	3.563	3,7%	6.063	4,3%	17.725	10,9%
Tiền gửi của khách hàng	74.543	77,1%	103.300	73,6%	118.116	72,3%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	2.823	2,9%	2.843	2,0%	2.928	1,8%
Phát hành giấy tờ có giá	7.847	8,1%	11.027	7,9%	10.582	6,5%
Các khoản nợ khác	2.349	2,4%	3.319	2,4%	3.960	2,4%
Tổng cộng	96.644	100%	140.352	100%	163.307	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Tiền gửi của khách hàng là nguồn vốn chính của Ngân hàng, chiếm 73,6% tổng huy động vốn trong năm 2016 và 77,1% năm 2015. Trong năm 2016, tổng tiền gửi của khách hàng tăng 38,6% lên 103,3 nghìn tỷ đồng. Để thu hút tiền gửi của khách hàng, Ngân hàng đã thực hiện nhiều hoạt động,

bao gồm đổi mới sản phẩm, mở rộng mạng lưới chi nhánh, cải tiến dịch vụ khách hàng, triển khai hệ thống Ngân hàng Điện tử tiên tiến để thu hút tiền gửi trực tuyến nhằm đa dạng kênh huy động cho HDBank.

Đến 30/09/2017, tổng tiền gửi của khách hàng tăng 14,3% so với đầu năm, trong đó 67,8% tiền gửi của HDBank đến từ các khách hàng cá nhân (KHCN), 25,7% từ khách hàng SME và 6,5% từ khách hàng CIB.

Bảng 4: Phân loại tiền gửi khách hàng theo phân khúc

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi Khối Khách hàng Cá nhân	47.879	64,2%	66.607	64,5%	80.081	67,8%
Tiền gửi Khối KHDN	19.088	25,6%	28.311	27,4%	30.338	25,7%
Tiền gửi Khối KHDN lớn và Định chế tài chính	7.576	10,2%	8.382	8,1%	7.697	6,5%
Tổng cộng	74.543	100%	103.300	100%	118.116	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Bảng 5: Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi không kỳ hạn	5.614	7,5%	9.813	9,5%	10.114	8,6%
Tiền gửi có kỳ hạn	17.181	23,0%	22.875	22,1%	28.637	24,2%
Tiền gửi tiết kiệm	50.984	68,4%	70.191	67,9%	78.235	66,2%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	375	0,5%	229	0,2%	637	0,5%
Tiền gửi ký quỹ	228	0,3%	191	0,2%	282	0,2%
Tiền gửi tiết kiệm khác	161	0,2%	-	0,0%	212	0,2%
Tổng cộng	74.543	100,0%	103.300	100,0%	118.116	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Ghi chú: Căn cứ BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, khoản mục Tiền gửi có kỳ hạn tại thời điểm 31/12/2015 đạt 68.165 tỷ đồng bao gồm (i) Tiền gửi có kỳ hạn thông thường (17.181 tỷ đồng) và (ii) Tiền gửi tiết kiệm (50.984 tỷ đồng).

Sản phẩm huy động vốn của HDBank được thiết kế đa dạng, phong phú. Trong đó, tiêu biểu là các sản phẩm áp dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân với nhiều sản phẩm huy động từ các loại tiền gửi không kỳ hạn đến có kỳ hạn, linh hoạt trong phương thức trả lãi, luôn cam kết lãi suất tốt nhất cho khách hàng với nhiều tiện ích cộng thêm khác, tiêu biểu như:

➤ **Tiền gửi lãi suất lũy tiến:** với một số tiền nhất định, khách hàng được hưởng lãi suất lũy tiến

trên số tiền thực gửi. Số tiền gửi càng nhiều, lãi suất khách hàng được hưởng càng cao.

- **Tiết kiệm Đa Lợi:** là một trong những sản phẩm chủ đạo cho dòng sản phẩm huy động. Với ưu thế tạo sự linh động cho sản phẩm bằng giải pháp rút vốn và lãi linh hoạt, Tiết kiệm Đa Lợi không chỉ tối đa hóa thời hạn gửi tiền của khách hàng mà còn giải quyết được vấn đề về nguồn vốn trung dài hạn của HDBank. Ngoài ra, sản phẩm còn nổi bật với lãi suất cạnh tranh và linh hoạt theo sự thay đổi của thị trường cùng các giá trị cộng thêm khác. Đây đã là một trong những sản phẩm chủ lực của HDBank với số dư chiếm hơn 85% tổng số dư huy động khách hàng cá nhân. HDBank đang cải tiến sản phẩm này nhằm phù hợp hơn với nhu cầu của khách hàng, quy định của NHNN và mục tiêu kinh doanh của HDBank.

8.1.2 Hoạt động tín dụng

Tính đến thời điểm 30/09/2017, tổng dư nợ cho vay khách hàng của HDBank đạt 96.612 tỷ đồng, với mức tăng trưởng kép hàng năm là 35,4% trong giai đoạn từ năm 2014 đến 9 tháng đầu năm 2017. Trong đó, các phân khúc KHCN, SME, CIB và tài chính tiêu dùng chiếm tỷ trọng lần lượt 41,2%, 46,2%, 3,3% và 9,3% trong tổng số dư cho vay. Điều này cho thấy cơ cấu dư nợ cho vay được cân bằng một cách hợp lý góp phần mang lại sự tăng trưởng cao trong khi vẫn duy trì được chất lượng tài sản tốt.

Bảng 6: Phân loại cho vay khách hàng theo mảng kinh doanh / Khối

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dư nợ Khối KHCN	22.892	40,5%	28.675	34,9%	39.811	41,2%
Dư nợ Khối KHDN	26.840	47,5%	42.676	51,9%	44.611	46,2%
Dư nợ Khối CIB	2.130	3,8%	2.818	3,4%	3.212	3,3%
Dư nợ Tài chính tiêu dùng	4.696	8,3%	8.055	9,8%	8.979	9,3%
Tổng cộng	56.559	100%	82.224	100%	96.612	100%

Tính đến ngày 30/09/2017, các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt chiếm tỷ trọng 51,6%; 25,2% và 23,2% tổng dư nợ. Vay ngắn hạn có mức tăng trưởng mạnh nhất là 46,5% trong 9 tháng đầu năm 2017.

Bảng 7: Phân loại cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	22.060	39,0%	34.052	41,4%	49.893	51,6%

Nợ trung hạn	20.162	35,6%	29.488	35,9%	24.310	25,2%
Nợ dài hạn	14.336	25,3%	18.684	22,7%	22.410	23,2%
Tổng cộng	56.559	100%	82.224	100%	96.612	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Xét theo cơ cấu kỳ hạn, cho vay ngắn hạn có sự chuyển biến tích cực và tăng dần tỷ trọng từ 39% trong năm 2015 lên đến 51,6% trong 9 tháng đầu năm 2017. Trong khi đó, tỷ lệ cho vay trung hạn đang giảm dần.

Bảng 8: Phân loại cho vay khách hàng theo nhóm nợ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	54.474	96,3%	79.734	97,0%	93.307	96,6%
Nợ cần chú ý	1.188	2,1%	1.292	1,6%	1.719	1,8%
Nợ dưới tiêu chuẩn	288	0,5%	377	0,5%	393	0,4%
Nợ nghi ngờ	336	0,6%	461	0,6%	628	0,6%
Nợ có khả năng mất vốn	273	0,5%	361	0,4%	567	0,6%
Tổng cộng	56.559	100,0%	82.224	100,0%	96.612	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Từ năm 2016, ngoài việc cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, bán chéo sản phẩm giữa 02 Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp, triển khai chương trình tài trợ chuỗi của Khách hàng Doanh nghiệp, HDBank còn gia tăng các tiện ích, dịch vụ đi kèm với sản phẩm, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Song song với việc tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN, việc kiểm soát chất lượng tín dụng luôn được HDBank chú trọng quan tâm thông qua việc tập trung xử lý nợ quá hạn / nợ xấu, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ nên tỷ lệ nợ xấu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/09/2017 được kiểm soát lần lượt ở các mức 1,6; 1,5% và 1,6% dư nợ cho vay.

8.1.3 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Bảng 9: Chi tiết hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
----------	----------	----------	--------------

1. Lợi nhuận hoạt động KD Ngoại tệ	26	209	122
<i>Doanh thu Dịch vụ Thanh toán</i>	101	115	85
<i>Chi phí Dịch vụ Thanh toán</i>	(35)	(37)	(28)
2. Lợi nhuận hoạt động Thanh toán	66	78	58
Tổng	92	287	179

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của HDBank đã có bước phát triển vượt bậc từ năm 2015 đến nay. Cụ thể trong năm 2016, lợi nhuận từ hai lĩnh vực này đạt 287 tỷ đồng, tăng 212,8% so với năm 2015, trong đó hoạt động kinh doanh ngoại hối chiếm 72,8% nhờ vào đẩy mạnh phát triển khách hàng giao dịch, tham gia sâu rộng vào thị trường ngoại hối của Khối Nguồn vốn, đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh ngoại hối, đặc biệt là giao dịch kỳ hạn, hoán đổi và ban hành đầy đủ các quy định liên quan, mang lại hiệu quả đáng kể trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng như nâng cao năng lực quản lý và tuân thủ về quản lý rủi ro, quản lý trạng thái ngoại hối. Đến 9 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận hai mảng này của HDBank đạt 179 tỷ đồng.

a. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ / ngoại hối

Năm 2016, hoạt động kinh doanh ngoại hối của HDBank có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu với mức tăng khoảng 712,4% so với năm 2015 và hoạt động kinh doanh ngoại hối chủ yếu phát sinh với hai đối tượng khách hàng là khách hàng tổ chức tín dụng/định chế tài chính trên thị trường và khách hàng doanh nghiệp, nhưng lại có phần giảm 41,5% trong 9 tháng năm 2017, đạt 122 tỷ đồng.

Trước bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, HDBank đã thực hiện đa dạng hóa sản phẩm và mạng lưới khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm bớt sự lệ thuộc vào hoạt động tín dụng trong việc phát triển mảng kinh doanh này và tăng cường các phương pháp quản trị rủi ro, nhất là đối với các giao dịch phái sinh.

Các sản phẩm kinh doanh ngoại hối cơ bản của HDBank bao gồm: sản phẩm giao ngay, kỳ hạn và hoán đổi. Đối với tổ chức kinh tế và cá nhân, sản phẩm giao ngay vẫn chiếm tỷ trọng lớn, trong khi đó, tỷ trọng giao dịch kỳ hạn và hoán đổi chiếm trên 50% trong doanh số mua bán với tổ chức tín dụng. Sự chuyển dịch này phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu sản phẩm của HDBank, phù hợp với thị trường và nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

b. Dịch vụ thanh toán quốc tế và trong nước

Dịch vụ thanh toán trong năm 2016 đạt được kết quả tốt với lợi nhuận ròng đạt 78 tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2015 trong khi 9 tháng năm 2017 chỉ dừng lại ở mức 58 tỷ đồng. Dịch vụ thanh toán quốc tế chịu ảnh hưởng từ tình hình ngoại tệ và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của khách hàng của HDBank. Tuy nhiên, nhờ vào việc hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và chuẩn hóa các giao dịch quốc tế đã mang lại giá trị gia tăng đáng kể cho khách hàng.

8.1.4 Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý với 400 ngân hàng và chi nhánh tại nhiều quốc gia và vùng lãnh

thổ trên thế giới, được trao tặng nhiều giải thưởng như: Quản lý thanh toán toàn cầu (Citigroup), chất lượng soạn điện thanh toán chuẩn (Wells Fargo, N.A), thanh toán quốc tế xuất sắc (Citibank) và được công nhận là thành viên chính thức của 2 hệ thống thanh toán bù trừ của Châu Âu là TARGET2 và EBA.

Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.1.5 Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán của HDBank gồm (i) Hoạt động đầu tư chứng khoán và (ii) Hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh chứng khoán của Ngân hàng tập trung vào chứng khoán nợ chưa niêm yết do tổ chức kinh tế trong nước phát hành với tổng giá trị đầu tư vào thời điểm 31/12/2016 là 400 tỷ đồng và đến hết 30/09/2017 đạt 645 tỷ đồng, tăng 61,3% so với đầu năm 2017.

Bảng 10: Chi tiết hoạt động kinh doanh chứng khoán

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
Chứng khoán nợ	923	400	645
Chưa niêm yết	923	400	645
Đã niêm yết	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(7)	(3)	(3)
Tổng cộng	916	397	642

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Hoạt động Đầu tư chứng khoán của HDBank đa dạng hơn, bao gồm cả cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Doanh nghiệp với tổng giá trị đầu tư năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2017 lần lượt là 34.261 tỷ đồng (tăng 61,6% so với năm 2015) và 42.683 tỷ đồng (tăng 24,6% so với cuối năm 2016).

Đây là mảng đầu tư rất hiệu quả so với những hoạt động khác. Thu nhập ròng từ mua bán chứng khoán đầu tư trong 9 tháng đầu năm 2017 tăng đột biến đến hơn 15 lần so với cùng kỳ năm 2016. Sự tăng trưởng mạnh này đến từ việc kinh doanh hiệu quả Trái phiếu Chính phủ.

Bảng 11: Chi tiết hoạt động đầu tư chứng khoán

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
1. CK đầu tư sẵn sàng để bán	16.573	23.903	34.789

Chứng khoán nợ	16.505	23.413	33.994
Trái phiếu Chính phủ	10.109	18.154	28.486
Trái phiếu do TCTD khác phát hành	210	-	300
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	6.186	5.259	5.209
Chứng khoán vốn	200	855	1.133
Cổ phiếu do TCKT trong nước phát hành	200	855	1.133
Dự phòng Rủi ro	(132)	(364)	(339)
2. CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.995	8.791	6.714
Chứng khoán nợ	1.999	8.792	6.714
Trái phiếu Chính phủ	-	6.292	1.686
Trái phiếu do TCTD khác phát hành	1.500	2.500	5.028
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	499	-	-
Dự phòng Rủi ro	(4)	(1)	0
3. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	2.630	1.568	1.180
Mệnh giá Trái phiếu đặc biệt	3.013	2.229	2.004
Dự phòng Trái phiếu đặc biệt	(383)	(661)	(824)
Tổng cộng	21.198	34.261	42.683

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

8.1.6 Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Ngoài việc đầu tư vào 02 công ty con với tổng giá trị đầu tư đến thời điểm 30/09/2017 là 590 tỷ đồng, HDBank còn đầu tư góp vốn cổ phần và đầu tư vào các tổ chức kinh tế với tổng giá trị 483,4 tỷ đồng, được thể hiện chi tiết như sau:

Bảng 12: Hoạt động đầu tư công ty con

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
1. Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	150	150	150
2. Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	315	440	440
Tổng cộng	465	590	590

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Bảng 13: Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
Đầu tư góp vốn mua cổ phần				
1.	CTCP Chứng khoán Đại Việt	45	45	45
2.	CTCP Kinh doanh Bất động sản Phát triển Nhà Thành phố	66	66	66
3.	CTCP Đầu tư Nhơn Trạch - NIC	300	300	300
4.	Khác	119	85	72
Tổng cộng		530	496	483

Nguồn: HDBank

8.1.7 Hoạt động Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HD AMC”) tiền thân là công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Đại Á, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/01/2011 với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng và đến tháng 08/2011 tăng lên thành 150 tỷ đồng.

Sau khi hoàn tất việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á từ tháng 11/2013, HD AMC trở thành Công ty con của HDBank và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về TP.HCM từ tháng 10/2014.

Các hoạt động chính của HD AMC: thu hồi xử lý nợ xấu của HDBank, quản lý xử lý tài sản có nguồn gốc từ xử lý nợ theo ủy thác của HDBank.

Bảng 14: Hoạt động mua bán nợ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
Tổng tài sản	785	228	161
Tổng vốn chủ sở hữu	151	157	160
Doanh thu thuần	5	17	51
Lợi nhuận trước thuế	3	7	4
Lợi nhuận sau thuế	3	6	3
Nợ ngắn hạn	634	41	1
Nợ dài hạn	-	30	-

Nguồn: HDBank

Hoạt động mua bán nợ của HD AMC trong năm 2016 hiệu quả với tổng giá trị thu hồi vượt chỉ tiêu 149%, trong khi doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh so với năm 2015, với mức tăng

lần lượt 3,4 lần và 2,0 lần.

Hiện tại, HD AMC đang tăng cường phối hợp Đơn vị kinh doanh xử lý và thu hồi nợ xấu hiện hữu, quản lý xử lý tài sản có nguồn gốc từ xử lý nợ theo ủy thác từ HDBank. Đồng thời, tái cấu trúc sắp xếp lại bộ máy Phòng Xử lý nợ theo mô hình quản lý tập trung giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả xử lý nợ.

8.1.8 Hoạt động Tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD Saison. Tiền thân của HD Saison là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt - Société Générale (“SGVF”). Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (“HDFinance”).

Tiếp theo đó, sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 454/QĐ-NHNN và Quyết định số 455/QĐ-NHNN cùng ngày 31/03/2015, HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co.,Ltd. (Nhật Bản). HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD Saison.

HD Saison thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm cho vay để mua trả góp hàng điện máy, xe máy, xe tải nhẹ, du lịch và cho khách hàng thân thiết vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng cá nhân. Bên cạnh việc duy trì chiến lược kinh doanh nêu trên, HD Saison cũng tập trung cải thiện và tiến hành nghiêm túc công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm nợ xấu. Theo đó, hoạt động kinh doanh của HD Saison đã đạt hiệu quả và bắt đầu có lãi. Năm 2010, sau 3 năm đầu tiên hoạt động khá thành công, HD Saison đã đạt điểm hòa vốn sớm hơn so với mong đợi, cụ thể thu nhập 5 tỷ đồng đã bù đắp chi phí hoạt động hằng năm và chi phí rủi ro.

Tính đến ngày 30/09/2017, HD Saison hiện là công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam với tổng dư nợ cho vay là 8.979 tỷ đồng.

Hoạt động cấp tín dụng của HD Saison được thực hiện thông qua các đơn vị mạng lưới bao gồm 1 Chi nhánh tại Hà Nội và hệ thống 10.285 điểm bán hàng đặt tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

a. Mô hình hoạt động

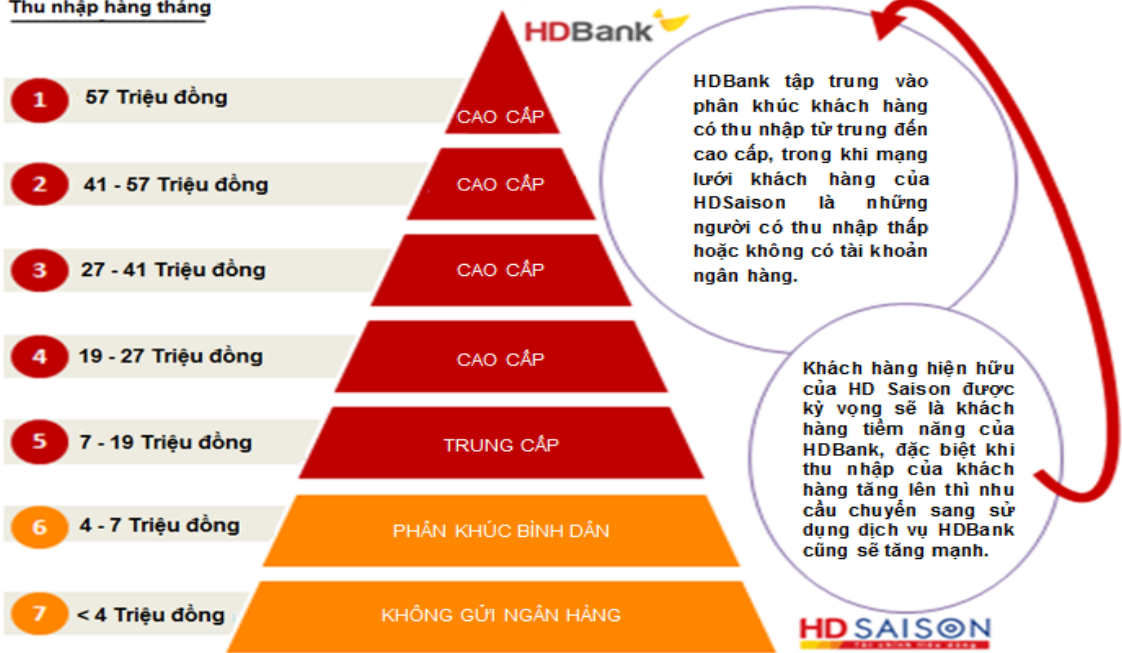
Tính đến ngày 30/09/2017, HD Saison phục vụ hơn 3,2 triệu khách hàng.

Phân khúc khách hàng mục tiêu của HD Saison hướng đến nhóm khách hàng chưa được các ngân hàng chú ý và nhóm khách hàng có thu nhập thấp đến trung bình với mức thu nhập hàng tháng là từ 2 - 7 triệu đồng. Hai phân khúc này phần lớn là khách hàng hiện tại của HD Saison. Khoảng một nửa số khách hàng của HD Saison dưới 30 tuổi và đang đi làm, nhưng chưa được các ngân hàng phục vụ do các khoản vay của các đối tượng này thường có quy mô nhỏ lẻ và các ngân hàng chưa có hệ thống quản lý hoàn chỉnh cũng như công nghệ có tính chuyên biệt để phục vụ phân khúc này một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả.

Số lượng khách hàng thu nhập thấp và chưa tiếp cận được ngân hàng chiếm khoảng 83% dân số lao động tại Việt Nam, cho thấy thị trường cho vay tiêu dùng vẫn còn khá hấp dẫn và chưa được khai thác hết. Theo Nielsen, những phân khúc này dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20%, chủ yếu đến từ việc đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số.

Hình 3: Nền tảng khách hàng của HD Saison

Thu nhập hàng tháng



Nguồn: HDBank, HD Saison

b. Sản phẩm và dịch vụ chính:

HD Saison hiện là một trong những công ty tài chính tiêu dùng có thị phần lớn nhất tại Việt Nam tập trung các dòng sản phẩm chính:

- Cho vay mua xe máy ("TW")
- Các khoản cho vay thiết bị gia dụng ("CD")
- Cho vay bằng tiền mặt cho các khách hàng TW hoặc CD có lịch sử trả nợ tốt.

Tính đến ngày 30/09/2017, Danh mục cho vay của HD Saison bao gồm 39,8% cho vay xe máy; 26,1% cho vay thiết bị gia dụng; 31,2% cho vay tiền mặt và 2,8% cho vay các sản phẩm mới khác như xe tải và giáo dục. Đối với các khoản vay bằng tiền mặt, HD Saison tuân theo một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quản lý rủi ro và chỉ cho vay tiền mặt đối với khách hàng hiện tại có hồ sơ tín dụng đã được chứng minh có lịch sử trả nợ tốt.

Bảng 15: Chi tiết sản phẩm cho vay của HD Saison

Chi tiết	Cho vay Xe máy	Cho vay Hàng điện máy	Cho vay tiền mặt
Đối tác	Cửa hàng xe máy	Cửa hàng bán lẻ	-
Khách hàng	Cá nhân	Cá nhân	Cá nhân
Áp dụng cho	Xe máy	Mua đồ điện gia dụng, điện lạnh, điện máy, điện tử, công nghệ, nội thất	Khách hàng đã từng có hợp đồng vay trước đó với lịch sử trả nợ tốt
Khoản vay trung bình trên 1 hợp đồng (USD)	450	180	600

Thời hạn (Tháng)	06 – 36	06 – 24	12 – 24
Biên lãi suất	22 – 70%	20 – 79%	34 – 51%
Lãi suất trung bình	46%	43%	42,5%

Nguồn: HD Saison

Danh mục sản phẩm HD Saison phong phú & đa dạng hơn so với các công ty cùng ngành. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc thâm nhập thị trường mới, nhanh chóng giới thiệu các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng mới, từ khi thuộc HDBank và hợp tác với Credit Saison, như cho vay mua vé máy bay tại Vietjet Air. HD Saison cũng là công ty tài chính tiêu dùng đầu tiên cho vay mua xe tải, cho vay tổ chức đám cưới, cho vay đi du lịch và cho vay học tập.

c. Đối tác kinh doanh của HD Saison

HD Saison có mạng lưới các đối tác kinh doanh vững mạnh. Tính đến hiện tại, HD Saison hiện có mạng lưới bán hàng cao nhất từ các đối tác bán xe máy, ô tô, cửa hàng điện thoại và thiết bị gia dụng, cửa hàng nội thất và nhà hàng tiệc cưới. Các đối tác lớn như Thế giới di động, FPT, Viễn Thông A, Chợ Lớn, Big C, Honda, Yamaha, Piaggio và Nguyễn Kim đã giúp tăng đáng kể số lượng điểm bán hàng.

Bảng 16: Một số đối tác lớn của HD Saison

STT	Tên đối tác kinh doanh	Sản phẩm chính
1.	Tổng Công ty Hòa Bình Minh	Xe máy
2.	Công ty TNHH Tiến Thu	Xe máy
3.	Minh Thành - PTC	Xe máy
4.	Công ty Ô tô Xe máy Trung Thạch	Xe máy
5.	Công ty TNHH Thương mại Quang Phương Hùng	Xe máy
6.	Công ty TNHH Hồng Đức	Xe máy
7.	Gia Hoa – Ngọc Tri	Xe máy
8.	Công ty TNHH Thương mại Nam Anh	Xe máy
9.	Công ty TNHH Xe máy Hoàng Cầu	Xe máy
10.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Visacoop	Xe máy
11.	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	Điện máy
12.	Siêu thị Điện máy – Nội thất Chợ Lớn	Điện máy
13.	Công ty Cổ phần FPT	Điện máy
14.	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	Điện máy

15.	Siêu thị điện máy - Mediamart	Điện máy
16.	CTCP Sản xuất Thương mại XNK Viễn Thông A	Điện máy
17.	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trần Anh	Điện máy
18.	Công ty TNHH Thương mại VHC	Điện máy
19.	Trung tâm Điện máy và Nội thất Thiên Hòa	Điện máy
20.	Công ty Cổ phần Pi Co	Điện máy

Nguồn: HD Saison

d. Hiệu quả hoạt động

Hoạt động kinh doanh của HD Saison trong năm 2016 đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng từ thu nhập lãi thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 83,2% và 49,7% tương ứng với giá trị tuyệt đối là 2.153 tỷ đồng và 353 tỷ đồng.

HD Saison đạt được kết quả trên nhờ vào việc đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay lên đến 71,6% trong năm 2016 với mức lãi suất cho vay dao động từ 27 - 49% tùy từng phân khúc sản phẩm cho vay.

Bảng 17: Hoạt động kinh doanh của HD Saison qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

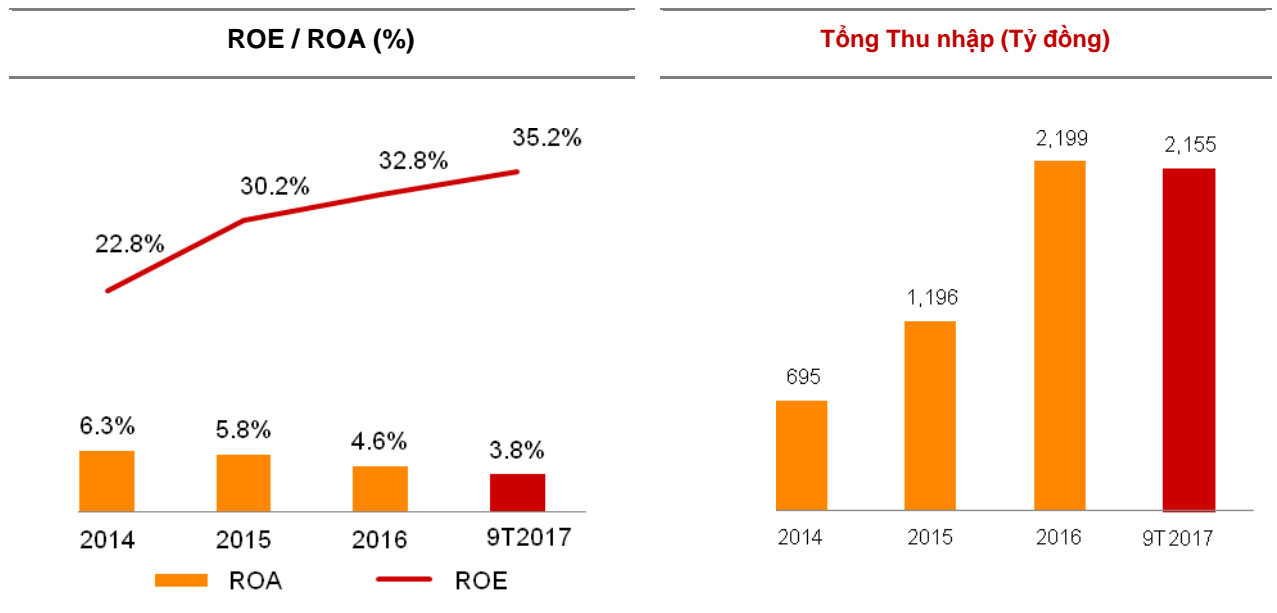
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	9 Tháng 2017
Tổng tài sản	5.419	9.862	11.324
Dư nợ cho vay	4.696	8.055	8.979
Tổng giá trị huy động	4.160	7.843	8.890
Thu nhập lãi thuần	1.175	2.153	2.097
Lợi nhuận sau thuế	236	353	280

Nguồn: HD Saison

Ngoài ra, HD Saison đã cải thiện đáng kể tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) từ 30,2% trong năm 2015 lên 32,8% trong năm 2016 nhờ vào việc kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu của HD Saison đạt 5,2% trong năm 2016 thấp hơn so với các công ty tài chính cùng ngành, do ban lãnh đạo công ty xác lập chiến lược là không theo đuổi lợi nhuận bằng cách hy sinh các nguyên tắc chuẩn mực về quản trị rủi ro tín dụng. Cụ thể, danh mục cho vay của HD Saison cho thấy sự đa dạng hóa giữa các sản phẩm vay mua xe máy, thiết bị gia dụng và cho vay bằng tiền mặt (nghĩa là khoảng 1/3 trong mỗi phân khúc).

Danh mục cho vay của HD Saison gồm các khoản cho vay ngắn hạn, trong đó cho vay kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống chiếm 47% tổng dư nợ cho vay.

Hình 4: Kết quả kinh doanh của HD Saison



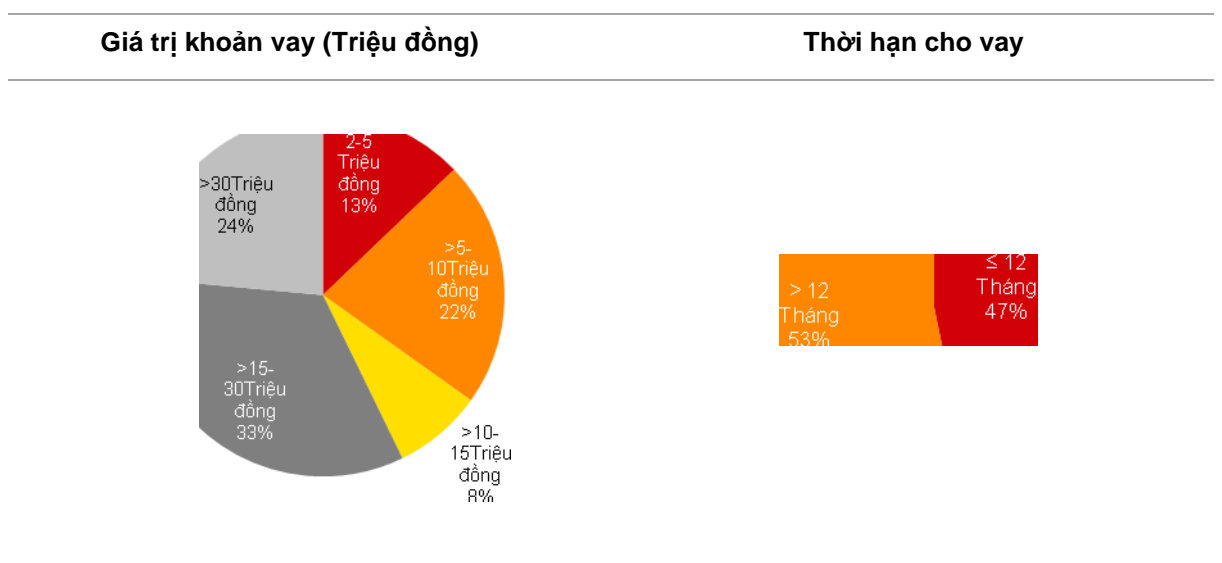
Nguồn: HD Saison

Ghi chú: ROA và ROE trong 9 tháng năm 2017 được HD Saison tính toán và quy đổi ra năm

Chiến lược của HD Saison là phân tán rủi ro giữa các khách hàng, nhằm tăng trưởng cho vay bằng cách tiếp nhận thêm khách hàng thay vì gia tăng khoản vay cho khách hàng hiện hữu. Việc duy trì quy mô khoản vay cho mỗi khách hàng ở mức thấp sẽ làm giảm rủi ro đối với HD Saison.

Thêm vào đó, HD Saison tập trung vào các khoản vay giá trị nhỏ và thời hạn ngắn, phần lớn các khoản vay có giá trị dưới 30 triệu đồng và thời hạn dưới một năm. Việc này giúp Công ty kiểm soát được rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng và giảm thiểu rủi ro tập trung của danh mục cho vay của Công ty. HD Saison chỉ cho vay tiền mặt dành các khách hàng hiện hữu có lịch sử thanh toán tốt nhằm đa dạng danh mục cho vay và gia tăng lợi nhuận.

Hình 5: Giá trị khoản vay và thời hạn (30/09/2017)



Nguồn: HD Saison

e. Thị phần

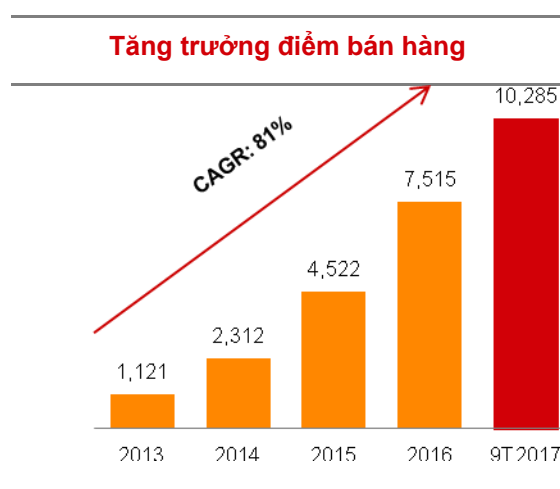
Là một trong ba công ty hàng đầu trong ngành tài chính tiêu dùng, HD Saison có hơn 10 năm kinh

nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các dòng sản phẩm chủ đạo như: hỗ trợ tài chính mua xe máy, hàng điện máy, cho vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng, mua xe tải, hỗ trợ du lịch, vay mua sản phẩm trực tuyến...

Mạng lưới phân phối rộng với độ bao phủ lớn là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn của HD Saison. Mạng lưới phân phối rất quan trọng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng vì đa phần phục vụ cho những người có thu nhập trung bình thấp và chưa được các ngân hàng chú ý, chủ yếu là công nhân nhà máy, sinh viên học sinh, và người lao động – những đối tượng được chi trả bằng tiền mặt thay vì chuyển khoản. Để tiếp cận được phân khúc khách hàng này thì chính sách tiếp thị tốt nhất là mở rộng các điểm bán hàng POS.

Tính đến ngày 30/09/2017, HD Saison hiện có 10.285 điểm dịch vụ trên 63 tỉnh thành Việt Nam với hơn 3,2 triệu khách hàng. HD Saison đứng đầu Việt Nam về mạng lưới bán hàng (POS) và số lượng khách hàng.

Hình 6: Vị thế thị trường của HD Saison thời điểm 30/09/2017



Nguồn: HD Saison

HD Saison đã phát triển và tăng trưởng các kênh bán hàng thông qua nhân viên bán hàng trực tiếp tại các điểm bán hàng hợp tác với các đối tác kinh doanh. Sắp tới HD Saison có kế hoạch tiếp tục thiết lập các kênh phân phối mới bao gồm các sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu và sản phẩm cho vay trực tuyến mua vé máy bay Vietjet Air. Bên cạnh đó, HD Saison sẽ chú trọng tối đa hóa doanh thu từ việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm cũng như mở rộng danh mục các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho người vay, bao gồm nhưng không giới hạn các dòng sản phẩm chăm sóc y tế cho gia đình, v.v...

Kênh phân phối	Chi tiết
Điểm bán hàng	Các quầy tư vấn tín dụng đặt tại các cửa hàng bán xe máy; các cửa hàng bán điện thoại, điện máy đơn lẻ hoặc thuộc hệ thống các chuỗi bán lẻ lớn trên toàn quốc (cho vay TW và CD)
Bán hàng trực tiếp	Bán hàng qua điện thoại và bán hàng trực tiếp
Đối tác với doanh nghiệp Nhật Bản	Hợp tác với các công ty viễn thông, nhà bán lẻ, dịch vụ tiện ích, giáo dục, các nhà cung cấp dịch vụ y tế, chủ yếu là thông qua thẻ tín dụng trong tương lai

Nguồn: HD Saison

8.2 Thị trường hoạt động

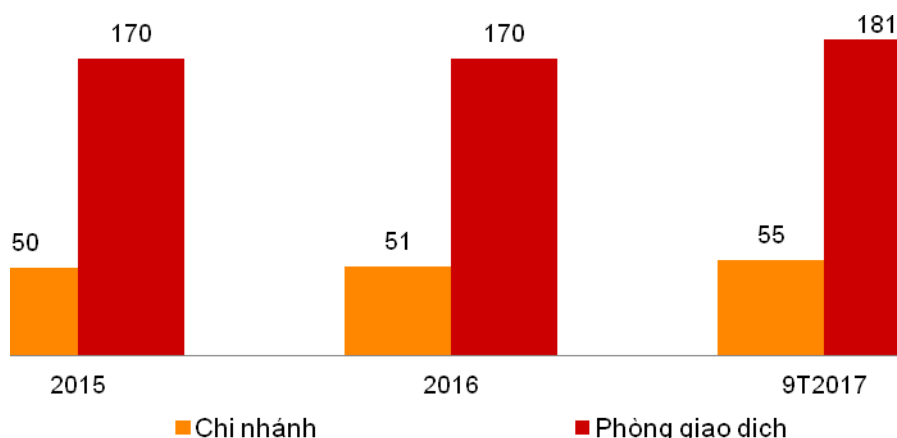
8.2.1 Mạng lưới chi nhánh

Tính đến 4/12/2017, HDBank có mạng lưới hoạt động với 238 điểm giao dịch trên toàn quốc và được mở rộng về cả quy mô và khu vực địa lý. Các chi nhánh trong hệ thống HDBank đều từng bước được đầu tư và nâng cấp theo thiết kế chuẩn của quốc tế.

HDBank thường xuyên rà soát, đánh giá, sắp xếp lại hệ thống mạng lưới giao dịch nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của các địa bàn, đồng thời có thể tiếp cận và phục vụ khách hàng theo từng phân khúc nhanh nhất với chất lượng tốt nhất. Với chính sách ưu tiên mở rộng mạng lưới giao dịch đến các vùng, miền chưa có điều kiện phát triển, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hiện nay HDBank đã có mặt tại địa bàn các tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Kontum, Daklak, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Lào Cai, Lạng Sơn. Trong những năm tới, HDBank tiếp tục thực hiện kế hoạch mở rộng mạng lưới, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của khu vực này, đồng thời hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Hoạt động kinh doanh thẻ đã được phát triển với số lượng máy ATM đến thời điểm 30/09/2017 đạt 213 máy, số lượng và doanh số giao dịch thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng không ngừng tăng. HDBank đã kết nối thành công hệ thống SWIFT, Smartlink và hệ thống thẻ quốc tế Visa. HDBank luôn chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đem lại mọi tiện ích cho nhu cầu khách hàng: hệ thống Mobile banking, SMS banking, VN Top up, E-banking...

Hình 7: Mạng lưới chi nhánh của HDBank



Người: HDBank

8.2.2 Mạng lưới khách hàng

HDBank có một mạng lưới khách hàng đa dạng từ cá nhân đến doanh nghiệp, trải dài từ Nam ra Bắc với 238 điểm hoạt động trên toàn quốc và 01 văn phòng đại diện tại nước ngoài (tính đến ngày 4/12/2017). Nhờ ứng dụng phần mềm hiện đại Symbols trong các hoạt động của Ngân hàng, HDBank có thể thực hiện 10.000 giao dịch/giây, quản trị hàng triệu tài khoản khách hàng, hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày và giảm thiểu rủi ro do sự can thiệp cơ học của con người. Qua đó có thể triển khai và phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại như: thanh toán quốc tế, phát hành thẻ thanh toán nội địa và quốc tế, phát triển các dịch vụ Internet Banking, home-Banking, thấu chi, bao thanh toán...

Tại thời điểm 30/09/2011, số lượng khách hàng cá nhân của HDBank đạt khoảng 1,6 triệu khách hàng. Và tại thời điểm 30/09/2017 là 3,2 triệu khách hàng với tổng điểm giao dịch lên đến 10.285

điểm.

Trong thời gian qua, HDBank vẫn không ngừng phát triển các sản phẩm dịch vụ mới cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, có thể kể đến như: tiết kiệm đa lợi, tài khoản linh hoạt, Mobile banking, thẻ thông minh HDcard, cho vay tiêu dùng tín chấp, thanh toán trực tuyến, ứng trước tài khoản cá nhân, tiết kiệm online

8.3 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.2.1 Định hướng quản trị rủi ro

Năm 2016, HDBank đã đánh dấu sự hoàn thiện các hệ thống quản lý rủi ro bằng việc sửa đổi các quy chế, quy định quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện hệ thống. HDBank đã và đang triển khai công tác tự rà soát và kiểm soát các rủi ro về tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động nhằm chủ động phòng chống và cảnh báo kịp thời các rủi ro có thể xảy ra. Chính vì vậy, các tỷ lệ an toàn hoạt động của HDBank luôn nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, HDBank thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm hoàn thiện kiến thức về quản lý rủi ro, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức quản lý rủi ro từ cấp quản lý đến nhân viên thông qua các chương trình đào tạo.

Trong năm 2016, Công tác quản lý rủi ro của HDBank cũng được định hình qua việc xây dựng lộ trình triển khai Basel II với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, cam kết lợi ích cao nhất cho khách hàng.

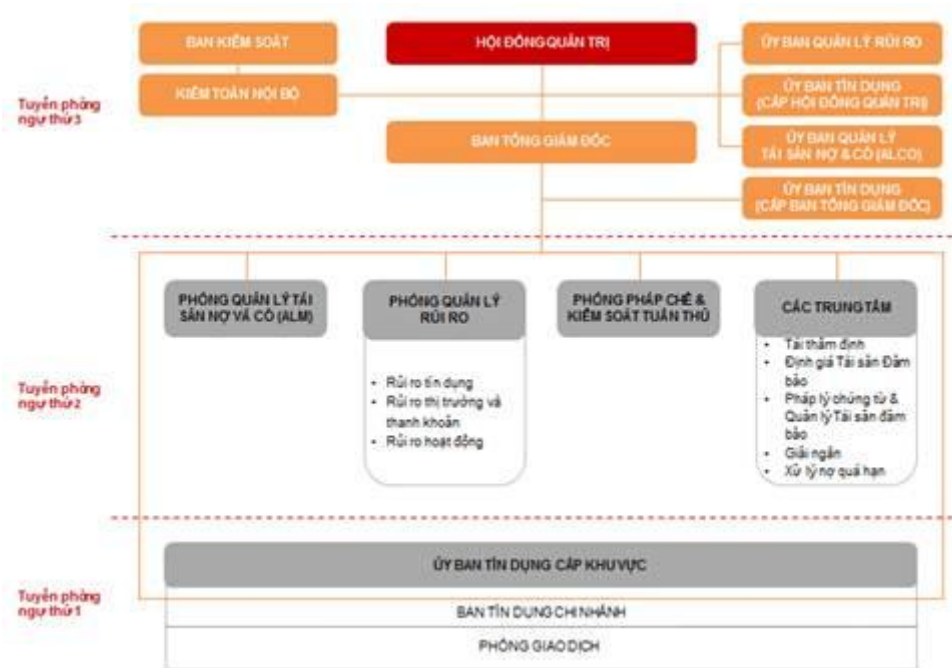
8.2.2 Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro

HDBank tổ chức triển khai quản lý rủi ro theo mô hình 3 tuyến bảo vệ của Basel: kiểm soát giao dịch tại các đơn vị kinh doanh, triển khai hệ thống giám sát của các Phòng ban Hội sở và kiểm tra, đánh giá độc lập của Ban kiểm soát/Kiểm toán nội bộ.

Cơ cấu quản trị rủi ro của HDBank được chia làm ba cấp: Quản trị rủi ro thuộc Hội đồng Quản trị, Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc và Quản trị rủi ro thuộc các Chi nhánh. Cơ cấu này cũng được phản ánh ngay trong cơ cấu tổ chức của HDBank.

- Quản trị rủi ro thuộc Hội đồng Quản trị bao gồm các bộ phận hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị như Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO), Ủy ban Tín dụng cấp Hội đồng Quản trị.
- Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc bao gồm:
 - Ủy ban tín dụng cấp Ban TGD; Ủy ban tín dụng cấp khu vực;
 - Một số phòng ban Hội sở, bao gồm: Phòng quản lý rủi ro (thuộc Khối Quản lý rủi ro), Phòng quản lý tài sản nợ & có (ALM), Phòng kiểm soát tuân thủ, Phòng Pháp chế
 - Các Trung tâm Hội sở, bao gồm: Trung tâm tái thẩm định tín dụng cá nhân/doanh nghiệp, Trung tâm định giá tài sản bảo đảm, Trung tâm giải ngân, Trung tâm pháp lý chứng từ tín dụng, Trung tâm xử lý nợ quá hạn...
- Quản trị rủi ro thuộc các Chi nhánh: bao gồm Ban tín dụng Chi nhánh; Phòng quản lý và hỗ trợ tín dụng và các kiểm soát viên Chi nhánh.

Hình 8: Cơ cấu tổ chức Ủy ban Quản lý Rủi ro



Nguồn: HDBank

8.2.3 Hệ thống quy định, giới hạn, chỉ số an toàn

Hệ thống các quy định, giới hạn và chỉ số an toàn tiếp tục được Ngân hàng xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống các quy định được tổ chức theo ba cấp: Quy chế (do Hội đồng Quản trị ban hành đề ra các định hướng, chính sách chung), Quy định và Hướng dẫn/Sản phẩm (do Tổng Giám đốc ban hành, triển khai phù hợp trong từng thời kỳ), bao gồm tất cả các nghiệp vụ, nhằm chuẩn hóa hoạt động và đảm bảo an toàn cho Ngân hàng.

Từ năm 2013, Ngân hàng đã triển khai thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và tiêu chuẩn 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng).

Năm 2016, HDBank tiếp tục thuê tư vấn để tổ chức nâng cấp hệ thống theo phiên bản mới nhất ISO 9001: 2015, nhằm hoàn thiện hơn các quy trình phục vụ khách hàng cũng như các quy trình nghiệp vụ khác, tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và tích hợp với các yêu cầu về quản lý rủi ro trong quản lý chất lượng dịch vụ Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng và điều chỉnh thường xuyên hệ thống các giới hạn liên quan đến các nghiệp vụ tín dụng, kinh doanh tiền tệ, đầu tư và các chỉ số an toàn hoạt động (KRI) liên quan về thanh khoản, tính cân đối của tài sản Nợ và Có..., phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và với đặc thù hoạt động của HDBank.

8.2.4 Hệ thống kiểm tra, giám sát

Hệ thống giám sát, kiểm soát, kiểm tra được HDBank đặc biệt chú trọng và làm cơ sở để phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn rủi ro. Hệ thống này áp dụng đồng thời nhiều phương pháp: Tự động thông qua hệ thống Công nghệ thông tin, định kỳ (hàng ngày, hàng tháng ...), thực hiện bởi các Phòng ban kiểm soát chuyên trách hoặc ngay trong từng giao dịch phát sinh, trong đó HDBank đã triển khai công tác giám sát các giao dịch đáng ngờ nếu có phát sinh tại các đơn vị.

Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra thực tế với số liệu, phân tích, cảnh báo, đề xuất cụ thể, được gửi kịp thời đến Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị để có chỉ đạo xử lý phù hợp, kịp thời.

8.2.5 Áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel II

Trong quý IV năm 2016, Ngân hàng đã thuê Công ty Kiểm toán Ernst & Young tư vấn rà soát hiện trạng hoạt động quản lý rủi ro so với yêu cầu Basel II (Gap) và rà soát kết quả dự kiến sẽ tính toán vốn yêu cầu (CAR) theo Basel II, làm cơ sở để xây dựng lộ trình (Roadmap) triển khai áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel II từ năm trong vòng 2 - 3 năm tới, với rất nhiều dự án hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro hiện có, bao gồm cơ cấu tổ chức, quy định, giới hạn, mô hình, dữ liệu, phần mềm...

8.2.6 Các hoạt động quản lý rủi ro

a. Quản trị rủi ro tín dụng

HDBank đã thiết lập hệ thống cấp tín dụng chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh bao gồm đầy đủ các bộ phận ở tất cả các khâu: Bán hàng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ. Quy trình cấp tín dụng được áp dụng theo nguyên tắc độc lập ở các khâu đề xuất – thẩm định/định giá – phê duyệt, trong đó xác định rõ từng bước và trách nhiệm của từng đối tượng tham gia.

HDBank cũng đã xây dựng các quy định khá chặt chẽ về cấp tín dụng, tài sản bảo đảm, xây dựng các giới hạn về cơ cấu cho vay theo ngành nghề, mục đích, loại tài sản bảo đảm ... nhằm hạn chế các rủi ro tập trung.

Bên cạnh đó, HDBank đã xây dựng thành công (với sự tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu) hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và đã trình Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính thức kể từ năm 2011, làm cơ sở quan trọng trong quá trình xem xét cấp tín dụng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro. HDBank cũng đã thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng này.

HDBank đang triển khai, hoàn thiện nhiều hệ thống, công cụ nhằm cải tiến cũng như kiểm soát tốt hơn, trong đó có hệ thống quản lý khởi tạo khoản vay (Loan Origination), hệ thống quản lý giới hạn (Limit Control), hệ thống phê duyệt tập trung tại các Trung tâm phê duyệt, hệ thống giải ngân & thực hiện thủ tục hợp đồng, công chứng tập trung tại các Trung tâm quản lý hỗ trợ tín dụng...

Công tác xử lý nợ quá hạn tiếp tục được chú trọng thông qua hoạt động thường xuyên của Ủy Ban chỉ đạo xử lý nợ quá hạn với tham gia của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và phối hợp của các khu vực, áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, phù hợp với chính sách Nhà nước. Trong năm 2016, HDBank đã triển khai rất tốt công tác xử lý nợ xấu phù hợp với chính sách chung của NHNN, và đạt tỷ lệ nợ xấu dưới 1,3%.

b. Quản trị rủi ro thanh khoản, thị trường

HDBank tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất (với sự tư vấn của Công ty kiểm toán hàng đầu) phù hợp với chuẩn mực quốc tế như phân tích chênh lệch kỳ hạn, chênh lệch kỳ thay đổi lãi suất, độ nhạy biến động NII, phân tích kịch bản, thử sức chịu đựng ... và các chỉ số theo Basel II như chỉ số đảm bảo thanh khoản (LCR), chỉ số đảm bảo nguồn vốn (NSFR).

Bộ phận Quản lý Rủi ro Thanh khoản & Thị trường đã thực hiện giám sát, cảnh báo thường xuyên các giới hạn trong kinh doanh ngoại hối, đầu tư chứng khoán nợ & vốn. Các chỉ số an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động theo quy định của NHNN (Thông Tư 36) luôn được đảm bảo.

Ngoài ra, HDBank cũng từng bước áp dụng tính VAR cho hoạt động kinh doanh ngoại hối (theo tư vấn của chuyên gia dự án JICA – NHNN) nhằm dự báo mức tổn thất tối đa và sẽ tiếp tục triển khai cho các hoạt động tương tự khác.

c. Quản trị rủi ro hoạt động

Chức năng Quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện thông qua chính sách quản lý rủi ro hoạt động và từng bước triển khai giám sát các chỉ số rủi ro liên quan đến nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin v.v.

Từ cuối năm 2014, HDBank đã từng bước triển khai hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất (LDC- Loss Data Collection) và hoạt động tự đánh giá chốt kiểm soát & rủi ro (RCSA) theo mô hình của Công ty tư vấn nước ngoài.

d. Hệ thống dữ liệu và quản trị dữ liệu

Từ năm 2015, HDBank đã hoàn thành rà soát Data Gap về hệ thống dữ liệu so với Basel II (theo tư vấn của Công ty tư vấn nước ngoài). Cuối năm 2016, HDBank tiếp tục rà soát hệ thống quản trị dữ liệu và các trường (field) dữ liệu trên hệ thống (theo tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu), làm cơ sở để triển khai các dự án hoàn thiện dữ liệu và quản trị dữ liệu phù hợp theo thông lệ quốc tế.

8.4 Công nghệ thông tin

Với định hướng phát triển công nghệ hiện đại hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh, HDBank đã tự động hóa các giao dịch với khách hàng, cải thiện chất lượng dịch vụ, giảm thiểu chi phí hoạt động. Ngoài ra, Công nghệ thông tin đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ khối kinh doanh triển khai các sản phẩm, dịch vụ và tiện ích thanh toán mới tích hợp trên các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng và thay đổi liên tục của khách hàng trong thời kỳ công nghệ số. Năm 2016, công tác quản lý an toàn bảo mật và kiểm soát tuân thủ được kiện toàn, đảm bảo hệ thống CNTT vận hành an toàn và thông suốt.

8.4.1 Tổng quan hệ thống công nghệ thông tin HDBank

Phát triển công nghệ thông tin (CNTT): Với phương châm “*Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào tự động hóa*”, HDBank đã và đang không ngừng đầu tư vào hệ thống CNTT hiện đại nhằm tạo nên tính ưu việt cho các sản phẩm dịch vụ, tạo đà hội nhập với trình độ phát triển CNTT trong nước và quốc tế.

- HDBank đã sớm đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tiềm năng to lớn về việc phát triển các sản phẩm Ngân hàng điện tử, sản phẩm quản lý tiền mặt và các sản phẩm thẻ do nhu cầu xã hội hoá về thanh toán điện tử ngày càng cao cũng như khả năng các sản phẩm này có thể tạo ra sự khác biệt giữa HDBank và các đối thủ cạnh tranh.
- HDBank là một trong những ngân hàng sớm triển khai thành công bộ sản phẩm công nghệ hiện đại gồm: SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking, Thanh toán trực tuyến, các sản phẩm quản lý tiền mặt kết nối các đối tác lớn... Hạ tầng công nghệ của HDBank đã được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo khả năng hỗ trợ hoạt động liên tục cho tất cả các đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, HDBank còn có một đội ngũ nhân sự giỏi năng lực chuyên môn, am hiểu hệ thống công nghệ HDBank, có trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức tốt và biết cách phát huy nội lực để cùng phát triển.

Để đảm bảo năng lực cạnh tranh, hoạt động liên tục và an toàn trong mọi điều kiện kinh doanh, đội ngũ CNTT của HDBank liên tục trau dồi kiến thức nghiệp vụ, đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các công nghệ mới, công nghệ mang tính tiên phong trong lĩnh vực CNTT, đồng thời triển khai các công cụ tự động cảnh báo và quản lý rủi ro trong hoạt động. Việc tăng cường các chức năng, tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh cũng luôn được đẩy mạnh thực hiện.

Việc đầu tư cho công nghệ mới giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng, tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngày càng đa dạng, tiện ích, rút ngắn thời gian giao dịch, mang lại lợi ích cao nhất cho

khách hàng. Ngoài những sản phẩm, dịch vụ cơ bản của ngành ngân hàng, với công nghệ hiện đại HDBank còn mang đến cho khách hàng những trải nghiệm mới với các sản phẩm, dịch vụ tiện ích như eBanking, Mobile Banking, thẻ ATM và các công nghệ thanh toán mới nhất. HDBank cũng là một trong số những Ngân hàng TMCP đầu tiên tham gia vào công tác hiện đại hoá các kênh thanh toán thuế điện tử, thanh toán và bảo lãnh Hải quan cũng như quyết liệt trong việc cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương của chính phủ.

Xây dựng đội ngũ nghiên cứu các công nghệ mới bao gồm sản phẩm mới, thiết bị mới. Qua đó hiểu và đánh giá đúng nhu cầu thị hiếu của người dùng, xây dựng các sản phẩm tích hợp theo từng phân khúc khách hàng. Các sản phẩm công nghệ HDBank đều được thiết kế ngay từ đầu theo cơ chế hướng dịch vụ nên việc tích hợp với các nhà cung cấp rất nhanh chóng và tiện lợi. Ngoài ra đội ngũ kỹ thuật cũng làm chủ tất cả các công nghệ đang sử dụng, luôn luôn nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo an toàn cho giao dịch như: Nghiên cứu triển khai công nghệ nhận dạng vân tay, triển khai giải pháp luân chuyển hồ sơ theo quy trình động, hỗ trợ giải pháp bảo mật trực tuyến thông qua hệ thống xác thực mạnh, triển khai công cụ bán hàng trên thiết bị tablets.

8.4.2 Tự động hóa và chuyển đổi sang mô hình kinh doanh số:

HDBank đã tập trung triển khai thành công các hệ thống ứng dụng trọng điểm giúp tự động hóa hoạt động, giảm thiểu chi phí hoạt động, tăng cường trải nghiệm của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

a. Tăng cường Tự động hóa:

- Cải tiến các hệ thống ứng dụng để giảm thiểu in ấn, lưu trữ: tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch, giảm thiểu chi phí in ấn và chi phí lưu trữ.
- Dự án tự động hóa nghiệp vụ các khối hỗ trợ kinh doanh: Thực hiện tự động hoá kênh bán hàng đối với KHCN từ khâu bán hàng đến hỗ trợ và chăm sóc khách hàng ít nhất 90%. Tự động hóa các giao dịch thanh toán liên ngân hàng giúp giảm thiểu thời gian xử lý (hạn chế scan, in ấn và lưu trữ chứng từ).
- Triển khai một số phân hệ cơ bản của ERP: Nâng cao công tác quản trị nguồn lực theo một quy trình xuyên suốt từ khi bắt đầu tham gia công tác, quản lý và đánh giá năng lực và kịp thời đào tạo kỹ năng phù hợp, giảm thiểu thời gian chi lương, báo cáo thuế cũng như tránh các sai sót do xử lý thủ công. Hỗ trợ công tác quản lý mua sắm và quản lý cung ứng.
- Phát triển cổng thông tin nội bộ giúp tăng cường tính tương tác trong toàn hệ thống, phát huy các sáng kiến của toàn bộ cán bộ nhân viên để liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ (hệ thống ứng dụng hỗ trợ chạy trên các máy tính cá nhân và các hệ điều hành IOS, Android).

b. Tiếp tục giai đoạn chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng số:

- ***Số lượng giao dịch điện tử trong năm 2016 đạt 4.331.663 giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán điện tử đạt 36.278 tỷ đồng.*** HDBank tiếp tục hoàn thiện và bổ sung thêm nhiều sản phẩm ngân hàng hiện đại so với toàn ngành, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhanh chóng yêu cầu kinh doanh của ngân hàng. HDBank đã tiên phong triển khai thành công nhiều dự án công nghệ tiên tiến nhằm cung cấp các sản phẩm tối ưu và tiện lợi nhất cho khách hàng bên ngoài lẫn khách hàng nội bộ, đồng thời tăng cường các phương pháp bảo mật tối ưu cho tất cả các kênh giao dịch để mật hoá thông tin khách hàng, thông tin giao dịch. Giúp xác thực người dùng thông qua hệ thống xác thực 2 yếu tố, hệ thống xác thực vân tay, hệ thống xác thực bằng chữ ký số, ... cho phép khách hàng có thể tự tin giao dịch với ngân hàng mọi lúc mọi

nơi với nhiều phương thức xác thực khác nhau.

- **Hệ thống Internet Banking:** Ngoài những giao dịch đã được hỗ trợ như giao dịch tiền gửi, tiền vay, quản lý và trả nợ thẻ tín dụng, chuyển khoản liên ngân hàng, thanh toán tiền điện, vé máy bay, trả học phí, nạp tiền cước điện thoại di động, mở sổ tiết kiệm, hỗ trợ kết nối Tổng cục Hải quan, hỗ trợ phê duyệt theo đa quy trình, Topup Đại lý máy bay, hỗ trợ bổ sung các chức năng quản lý thẻ và chương trình tích điểm đổi quà ..., hệ thống cũng đã được bổ sung thêm nhiều tiện ích giúp rút ngắn quy trình xử lý giao dịch chuyển tiền ra ngoài hệ thống, tự động hoá các kênh thanh toán và giảm thiểu in ấn, ...
 - Số lượng KH iBanking đến 31/12/2016 đạt 109.604 khách hàng, trong đó có khoảng 11.000 là Khách hàng Doanh nghiệp, với tăng trưởng 141% so với năm 2015.
 - Số lượng giao dịch năm iBanking năm 2016 là khoảng 1.000.000 giao dịch, đạt tốc độ tăng trưởng 204% so với năm 2015.
 - Giá trị giao dịch qua kênh iBanking trong năm 2016 đạt 24.778 tỷ đồng, trong đó có khoảng 19.011 tỷ đồng là của Khách hàng Doanh nghiệp.
- **Hệ thống Mobile Banking:** Hỗ trợ hầu hết các dòng điện thoại chạy hệ điều hành phổ biến trên thị trường như iOS, Android. Các chức năng luôn được cập nhật đáp ứng đầy đủ các tính năng của hệ thống Ngân hàng điện tử Internet Banking.
- **Hệ thống Thẻ:** Triển khai các gói sản phẩm chi lương, triển khai đầy đủ bộ sản phẩm thẻ quốc tế, thẻ nội địa (thẻ trả trước, thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng) và áp dụng các công nghệ mới tiên tiến nhất trong hoạt động thanh toán như QR-Code.
- **Hệ thống quản lý và phê duyệt hồ sơ vay (LOS):** Quản lý thông tin hồ sơ vay của khách hàng đầy đủ các bước từ thu thập thông tin khách hàng, phê duyệt tín dụng, thẩm định đến bước giải ngân. Thúc đẩy năng lực kinh doanh thông qua việc giám sát năng suất làm việc của các đơn vị liên quan, nâng cao chất lượng dịch vụ theo cam kết lợi ích tốt nhất cho khách hàng.

8.5 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Hoàn thiện bộ công cụ Ngân hàng điện tử (Internet Banking và Mobile Banking)	Hỗ trợ Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp chủ động thực hiện giao dịch 24/7 bao gồm đầy đủ các chức năng giao dịch và quản lý tài chính cũng như hỗ trợ đầy đủ các tiện ích thanh toán dịch vụ như, điện, nước, viễn thông, thuế,...	Là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống Internet Banking và là Ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống Mobile Banking tại Việt Nam. Đến cuối năm 2016, hầu như các tiện ích dịch vụ dành cho KHCN và KHDN đã được hỗ trợ đầy đủ. Hiện tại, Ngân hàng đang trong giai đoạn nâng cấp hệ thống Mobile Banking để nâng cao tính tương tác, cải thiện giao diện, tăng cường trải nghiệm người dùng cũng như bổ sung các tiện ích thanh toán hiện đại hơn (dự kiến hoàn thành tháng 6/2018)
Triển khai bộ công cụ bán hàng trên thiết bị máy tính bảng cho tất cả nhân viên bán hàng	Hỗ trợ bộ công cụ quản lý đầy đủ danh mục sản phẩm cho nhân viên bán hàng.	Đã chính thức triển khai bộ sản phẩm Saletool kits cho nhân viên bán hàng trên thiết bị máy tính bảng từ tháng 5/2017.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	<p>Cho phép nhân viên bán hàng trực tiếp thu thập thông tin khách hàng và luân chuyển thông tin về các hệ thống quản lý phê duyệt.</p> <p>Nâng cao nhận diện thương hiệu và hỗ trợ chuyên môn hóa trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>Giảm thiểu chi phí hoạt động.</p>	<p>Hiện tại, đang bổ sung thêm tính năng hỗ trợ đơn giản hóa quy trình bán hàng và phê duyệt hồ sơ vay.</p>
<p>Triển khai hệ thống quản lý và phê duyệt hồ sơ vay (LOS)</p>	<p>Quản lý thông tin hồ sơ vay của khách hàng đầy đủ các bước từ thu thập thông tin khách hàng, phê duyệt tín dụng, thẩm định đến bước giải ngân.</p> <p>Thúc đẩy năng lực kinh doanh thông qua việc giám sát năng suất làm việc của các đơn vị liên quan, nâng cao chất lượng dịch vụ theo cam kết lợi ích tốt nhất cho khách hàng.</p>	<p>Đến tháng 6/2017, ngân hàng đã bổ sung đầy đủ các chức năng hỗ trợ quản lý đầy đủ thông tin khách hàng và xuyên suốt từ bước thu thập thông tin thông qua các công cụ bán hàng trực tiếp đến bước giải ngân. Hỗ trợ đầy đủ quy trình phê duyệt online, chức năng scoring, tự động kiểm soát các thông tin vay theo tính chất sản phẩm, lập hợp đồng tự động từ hệ thống và cho phép đẩy thông tin tự động về hệ thống Core Banking để thực hiện giải ngân.</p>
<p>Đang triển khai hệ thống CustomerConnect (thay thế cho hệ thống quản lý giao dịch tại quầy hiện tại)</p>	<p>Hỗ trợ các tính năng quản lý mối quan hệ khách hàng, tăng cường năng lực bán sản phẩm tại quầy.</p> <p>Rút ngắn quy trình xử lý giao dịch tại quầy và khắc phục các hạn chế của hệ thống giao dịch tại quầy hiện tại.</p> <p>Hỗ trợ các tính năng giao dịch khách hàng hiện đại và nâng cao chất lượng dịch vụ tại quầy.</p>	<p>Ngân hàng đã hoàn thành giai đoạn POC và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống ứng dụng, dự kiến triển khai hoàn thành vào Quý 3 năm 2018.</p>
<p>Triển khai hệ thống hỗ trợ kinh doanh tiền tệ - Treasury (DTS)</p>	<p>Quản lý lý thông tin giao dịch tiền tệ, trái phiếu, v.v..</p> <p>Tự động hóa giao dịch từ các hệ thống Dealing vào hệ thống Core Banking.</p> <p>Giúp tăng cường giám sát giao dịch tập trung và hạn chế rủi ro.</p>	<p>Đã triển khai hoàn thành tháng 06/2016, giúp tự động hóa các giao dịch MM, FX, Bond & Share.</p>
<p>Triển khai hệ thống Phòng chống rửa tiền (AMLock)</p>	<p>Tự động giám sát các giao dịch online, hỗ trợ cảnh báo giao dịch</p>	<p>Đã hoàn thành triển khai tháng 09/2015.</p>

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	<p>nghe, giao dịch gian lận, tự động cảnh báo giúp giảm thiểu thời gian xử lý giao dịch trong công tác kiểm soát rủi ro. Nâng cao uy tín của ngân hàng đối với cam kết chất lượng giao dịch và thời gian xử lý giao dịch.</p>	<p>Đến thời điểm hiện tại, nhiều kịch bản đã được xây dựng bổ sung để hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động.</p>
<p>Tự động hóa giao dịch thanh toán (auto payment)</p>	<p>Tự động hóa giao dịch thanh toán trong nước và giao dịch quốc tế.</p> <hr/> <p>Giảm thiểu thao tác thủ công trong xử lý giao dịch cho tất cả các giao dịch điện đi, điện về của các hệ thống chuyển tiền trong nước và chuyển tiền quốc tế kết nối Core Banking.</p>	<p>Đến tháng 06/2017, hầu như các điện đi và điện về của giao dịch quốc tế và giao dịch trong nước đã được hỗ trợ kết chuyển tự động giữa các hệ thống giao dịch điện tử, hệ thống core banking và các hệ thống kết nối liên ngân hàng như Swift, CITAD.</p>
<p>Tự động hóa các khối hỗ trợ (ERP)</p>	<p>Tự động hóa các quy trình thủ công tại Khối Vận hành giúp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại quầy.</p> <p>Triển khai hệ thống iHRP để quản trị nguồn nhân lực, nâng cao hiệu suất làm việc của toàn hệ thống.</p> <p>Triển khai hệ thống hỗ trợ mua sắm tập trung và quản lý cung ứng.</p>	<p>Từ năm 2015, Ngân hàng đã triển khai các hệ thống quản lý chất lượng giao dịch tại quầy, liên tục cải tiến hệ thống để rút ngắn quy trình giao dịch.</p> <p>Năm 2016, Ngân hàng chính thức đưa vào sử dụng hệ thống quản trị nguồn lực quản lý đầy đủ thông tin nhân viên từ lúc ứng tuyển đến các quá trình đào tạo, kiểm soát năng lực và các quy trình chính sách liên quan.</p> <p>Tháng 09/2017, Ngân hàng chính thức triển khai hệ thống quản lý mua sắm và quản lý cung ứng tập trung.</p> <p>Năm 2018, Ngân hàng dự kiến sẽ xem xét đầu tư bổ sung hệ thống MIS để tăng cường khả năng hoạch định và nâng cao năng lực cạnh tranh.</p>
<p>Triển khai bộ công cụ quản lý tiền mặt</p>	<p>Hỗ trợ các tiện ích dịch vụ thu/chi hộ nhanh chóng.</p> <p>Đưa vào sử dụng các công nghệ thanh toán hiện đại, nhanh chóng hỗ trợ cho các giao dịch thu chi hộ</p>	<p>Đến cuối năm 2016, Ngân hàng đã hoàn thiện triển khai hệ thống tích hợp hỗ trợ kết nối các đối tác nhanh chóng để đưa ra các tiện ích thanh toán cho khách hàng.</p> <p>Tháng 06/2017, đã đưa vào sử dụng công nghệ thanh toán qua QR-Code để rút ngắn quy trình giao dịch và giảm thiểu chi phí đầu tư nhờ vào công nghệ thanh toán mới này.</p>
<p>Triển khai hệ thống thẻ</p>	<p>Hoàn thiện các sản phẩm thẻ bao gồm các loại thẻ nội địa và quốc tế.</p>	<p>Đến hết năm 2016, Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế (Thẻ trả trước, thẻ</p>

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
		ghi nợ và thẻ tín dụng).
	Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật của các tổ chức thẻ Quốc tế như Visa/Master.	Tháng 06/2017, đã áp dụng công nghệ thanh toán QR-Code cho cả thẻ nội địa và thẻ tín dụng.
	Áp dụng các công nghệ thanh toán thẻ mới nhất để đáp ứng nhu cầu thay đổi liên tục của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh thẻ.	Dự kiến tháng 12/2017 sẽ triển khai chính thức sản phẩm thẻ doanh nghiệp.
		Dự kiến trong năm 2018, Ngân hàng sẽ triển khai nâng cấp hệ thống thẻ để khắc phục các nhược điểm của hệ thống hiện tại và tăng cường tính năng mới đột phá để hỗ trợ cho nhu cầu của khách hàng.
Chuyển đổi sang mô hình kinh doanh số (Digital Banking)	Số hóa tối đa tất cả các giao dịch với khách hàng, nâng cao trải nghiệm người dùng, mở rộng khả năng tìm kiếm khách hàng mới và giúp giảm thiểu chi phí hoạt động.	Đang trong giai đoạn xây dựng đề án Ngân hàng số (dự kiến hoàn thành tháng 12/2017).
Triển khai tiêu chuẩn Basel II	Tăng cường năng lực quản trị rủi ro và khả năng tài chính, giúp ngân hàng pháp triển bền vững trước những biến động khó lường của thị trường tài chính.	Đã hoàn thành báo cáo đánh giá tuân thủ và lộ trình triển khai vào tháng 09/2017. Năm 2018, Ngân hàng chính thức từng bước triển khai theo lộ trình đã đưa ra.

Nguồn: HDBank

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 18: Kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm và quý gần nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2015	2016	(+/-)	9T2017	2015	2016	(+/-)	9T2017
Tổng tài sản	102.315	142.289	39,1%	165.948	106.486	150.294	41,1%	174.594
Vốn chủ sở hữu	9.210	9.083	-1,4%	10.449	9.842	9.943	1,0%	11.287
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	2.961	3.355	13,3%	3.590	4.133	5.418	31,1%	5.600

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2015	2016	(+/-)	9T2017	2015	2016	(+/-)	9T2017
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	94	143	52,7%	304	158	233	47,3%	375
Lợi nhuận trước thuế	502	830	65,3%	1.713	788	1.148	45,6%	1.912
% LNNT/TOI	16,9%	24,7%	45,9%	47,7%	19,1%	21,2%	11,0%	34,1%
Lợi nhuận sau thuế	408	687	68,2%	1.409	630	914	45,1%	1.538
% LNST/TOI	13,8%	20,5%	48,4%	39,3%	15,2%	16,9%	10,7%	27,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	4,5%	7,5%	68,2%	14,4%	6,7%	9,2%	37,3%	14,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng/hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017

Hoạt động kinh doanh của HDBank đạt mức tăng trưởng cao trong ba năm trở lại đây là kết quả của chiến lược tăng trưởng thành công, tập trung vào phân khúc KHCN, SME và Tài chính tiêu dùng với biên lợi nhuận cao, cùng với việc đa dạng hóa sản phẩm mới, cải thiện chất lượng tài sản, thay đổi cấu trúc sản phẩm, bán chéo, cơ cấu và sử dụng tài chính hiệu quả hơn, được thể hiện chi tiết qua các chỉ tiêu chính như sau:

Tổng tài sản:

Năm 2016, tổng tài sản của HDBank tăng trưởng mạnh so với năm 2015, với mức tăng 41,1%. Đóng góp chính cho mức tăng trưởng này là sự gia tăng mạnh mẽ của Dự nợ tín dụng, với mức tăng 45,4% so với năm 2015, từ 56.559 tỷ đồng lên mức 82.224 tỷ đồng và danh mục chứng khoán đầu tư, tăng từ 21.198 tỷ đồng lên 34.261 tỷ đồng (sau dự phòng rủi ro).

Tại thời điểm 30/09/2017, tổng tài sản của Ngân hàng đạt 174.594 tỷ đồng (tăng 25,7% so với tại thời điểm 30/09/2016) nhờ chiến lược tăng trưởng hiệu quả, đã giúp cho HDBank trở thành Ngân hàng Thương mại cổ phần lớn thứ tám tại Việt Nam về tổng tài sản, với tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và số lượng chi nhánh vượt trội so với đối thủ, đạt 236 chi nhánh/phòng giao dịch, tăng 6,8% so với cuối năm 2016.

Vốn chủ sở hữu:

Sau khi sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Đại Á vào năm 2013, HDBank đã chính thức tăng vốn điều lệ từ 5.000 tỷ đồng lên 8.100 tỷ đồng và duy trì mức vốn này đến hết 09 tháng đầu năm 2017. Đến cuối tháng 10 năm 2017, Ngân hàng đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, theo đó vốn điều lệ của HDBank tăng lên 8.829 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ phát hành là 9%.

Mặt khác, vốn chủ sở hữu tăng trưởng tốt trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết 9 tháng năm 2017 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 9,1% và đạt giá trị 11.287 tỷ đồng chủ yếu đến từ nguồn lợi

nhuận sau thuế chưa phân phối với hơn 2.018 tỷ đồng.

Tổng thu nhập hoạt động (TOI):

Trong năm 2016, tổng thu nhập hoạt động (“TOI”) đạt 5.418 tỷ đồng, tăng 31,1% so với năm 2015, trong đó thu nhập đến từ Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Khách hàng DN VVN và Khối Tài chính Tiêu dùng chiếm tỷ trọng lần lượt là 22,7%, 23,8%, 40,6% trên tổng TOI. TOI từ CIB, Khối Nguồn vốn và AMC chỉ chiếm 13,7% TOI.

Đến 30/09/2017, giá trị TOI đạt 5.600 tỷ đồng, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm 2016 nhờ vào hiệu quả hoạt động rất tốt của HDBank trong năm thông qua việc giới thiệu sản phẩm mới, cải thiện chất lượng tài sản, thay đổi cấu trúc sản phẩm, bán chéo, cơ cấu huy động và sử dụng nguồn vốn tài chính hiệu quả hơn. Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất với 82,7% trên tổng TOI nhờ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng (29,7%) và việc mở rộng nhanh chóng danh mục cho vay của HD Saison (dư nợ của HD Saison tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2016).

Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2017 của Ngân hàng đạt 1.912 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 194,4% so với cùng kỳ năm 2016 nhờ vào các yếu tố chính sau:

- Thu nhập lãi thuần tăng trưởng 37,5% trong 9 tháng đầu năm 2017, nhờ dư nợ cho vay tăng trưởng mạnh khoảng 30,0% so với cùng kỳ năm trước, với hệ số NIM đạt 4,3%.
- Thu nhập phi lãi tăng trưởng 165,4% trong 9 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu là từ thu nhập từ các khoản đầu tư chứng khoán (bao gồm mua bán trái phiếu Chính phủ và chứng khoán vốn).
- Mặt khác, chi phí dự phòng lại giảm 3,9% đã góp phần tăng lợi nhuận trước thuế cho Ngân hàng. HDBank đã trích các khoản dự phòng cho trái phiếu VAMC phù hợp với các quy định, dự kiến dự phòng đầy đủ cho các trái phiếu này trong 5 năm.

Việc lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2017 đã khiến tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) của HDBank tăng từ mức 9,2% cuối năm 2016 lên 14,5% tại ngày 30/9/2017.

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam vẫn duy trì ở mức ổn định, GDP 09 tháng đầu năm 2017 tăng trưởng vượt bậc với mức tăng 6,41% (Quý 1 và Quý 2 tăng lần lượt 5,15% và 6,28%) trong khi Chỉ số tiêu dùng (CPI) tháng 9 tăng 0,59% so với cùng kỳ và CPI bình quân 9 tháng tăng 3,40%. Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định khi các lãi suất điều hành tiếp tục duy trì ở mức thấp.

Tỷ giá USD/VND đi ngang và cân bằng khi cán cân thanh toán tổng thể dương được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu tăng cao, thặng dư thương mại và nguồn vốn FDI/FII tiếp tục đổ vào Việt Nam. Trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động mạnh, tỷ giá trong nước hầu như đứng yên mặc dù NHNN chủ động điều chỉnh giảm 11 điểm cơ bản đối với tỷ giá trung tâm. Tỷ giá giao dịch trên thị trường ngân hàng giảm nhẹ 5 điểm cơ bản xuống 22.690/22.760 VND/USD, tỷ giá tự do giảm 10 điểm cơ bản xuống 22.720/22.740. Bên cạnh ảnh hưởng từ thị trường thế giới, số liệu xuất nhập khẩu mới được Tổng cục Hải Quan công bố cũng hỗ trợ tích cực cho tỷ giá.

Nền kinh tế Việt Nam đã có năm khởi động kế hoạch 2016 - 2020 không thuận lợi khi tốc độ tăng

trường GDP chỉ đạt 6,21%, thấp hơn so với mục tiêu 6,7% đưa ra từ đầu năm cũng như so với mục tiêu trung bình 6,5% - 7% của cả giai đoạn. Tuy so với mặt bằng chung của thế giới thì tốc độ tăng trưởng này vẫn rất tích cực, nhưng nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi tăng trưởng chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Sự phát triển của thị trường tài chính ngân hàng tại Việt Nam

Tín dụng 09 tháng đầu năm 2017 tăng trưởng 12% so với cuối năm 2016, cơ cấu chuyển dịch tích cực, chất lượng được nâng lên; thanh khoản, an toàn hệ thống được bảo đảm. Mặt bằng lãi suất giảm, trong đó các lĩnh vực ưu tiên giảm 0,5 – 1,0%. Tỷ giá, thị trường vàng, ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam ổn định; NHNN đã mua thêm hơn 6 tỷ USD, nâng mức dự trữ ngoại hối lên trên 45 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay.

Vấn đề xử lý nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam

Lộ trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch theo hướng giảm số lượng các tổ chức tín dụng dưới chuẩn, cải thiện từng bước chất lượng, sức cạnh tranh toàn hệ thống và từng tổ chức tín dụng.

Hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's vừa thông báo nâng triển vọng hệ thống ngân hàng của Việt Nam từ "ổn định" lên "tích cực" trong vòng 12-18 tháng tới, thể hiện triển vọng kinh tế sáng sủa của Việt Nam cũng như triển vọng tích cực đối với hầu hết các ngân hàng Việt được hãng này xếp hạng. Tuy nhiên, Moody's cũng cảnh báo rằng tăng trưởng tín dụng nhanh, được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ nới lỏng, có thể làm tăng rủi ro tài sản. Môi trường hoạt động của các ngân hàng cũng sẽ hưởng lợi từ tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, dựa trên những cải thiện cơ sở hạ tầng, kết cấu dân số có lợi và nỗ lực của Chính phủ trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Moody's nhận xét.

Chất lượng tài sản của các ngân hàng Việt Nam sẽ ổn định trong thời gian tới, với tỷ lệ nợ có vấn đề sẽ xuống còn 7,1% (dựa trên báo cáo của 15 ngân hàng được Moody's xếp hạng) tính đến cuối năm 2016 từ mức 7,5% năm 2015. Moody's dự báo tỷ lệ này sẽ giảm còn 5,8% vào năm 2017 do tăng trưởng tín dụng nhanh hơn tốc độ hình thành nợ xấu và đà phục hồi của ngành bất động sản.

Nợ xấu mặc dù đã được xử lý trong những năm vừa qua tuy nhiên vẫn tiếp tục là áp lực lớn đối với lợi nhuận của toàn ngành. Các ngân hàng sau thời gian tái cấu trúc và củng cố hệ thống sẽ tập trung thúc đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh. Tính đến cuối tháng 09 năm 2017, tỷ lệ nợ xấu là 2,46%. Lũy kế từ khi hoạt động đến cuối tháng 07/2017, VAMC đã mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng với giá mua (mệnh giá trái phiếu đặc biệt) là trên 261 nghìn tỷ đồng, trong đó đã thu hồi được trên 60 nghìn tỷ đồng; trong 9 tháng đầu năm 2017 đã xử lý được khoảng 16 nghìn tỷ đồng. Trong tháng đầu năm 2017, toàn hệ thống đã xử lý được trên 57 nghìn tỷ đồng.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

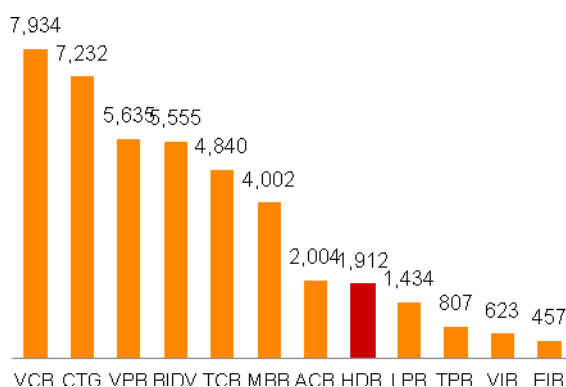
Tổng tài sản và lợi nhuận

Từ năm 2008 đến cuối tháng 9 năm 2017, tổng tài sản của HDBank đã tăng 18 lần và số lượng các chi nhánh đã tăng gấp 7 lần.

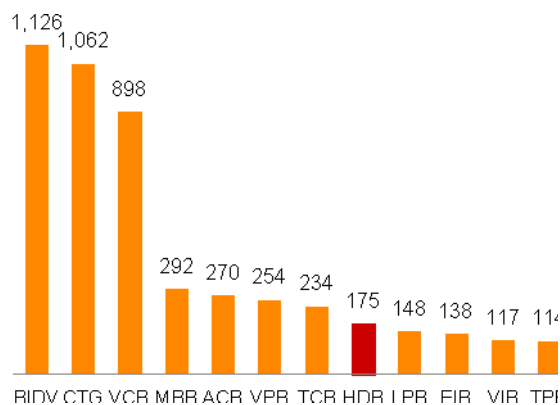
Ngoài sự tăng trưởng nội tại, tài sản của Ngân hàng cũng tăng nhanh đáng kể thông qua các hoạt động sáp nhập và hợp nhất. Năm 2013 đã đánh dấu một mốc quan trọng cho HDBank khi Ngân hàng sáp nhập với Ngân hàng Đại Á. Vốn điều lệ của HDBank tăng lên 8.100 tỷ đồng và trở thành

một trong 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam. Ngân hàng cũng đã giành được nhiều giải thưởng, bao gồm "Công ty được quản lý tốt nhất châu Á" vào năm 2015 và 2016 của Tạp chí Euromoney, "Top 500 ngân hàng châu Á", "Top 8 ngân hàng thương mại tại Việt Nam" vào năm 2017 của Asian Banker và "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" trong năm 2017 của Asia Money.

Tổng lợi nhuận trước thuế (9 tháng đầu năm 2017)



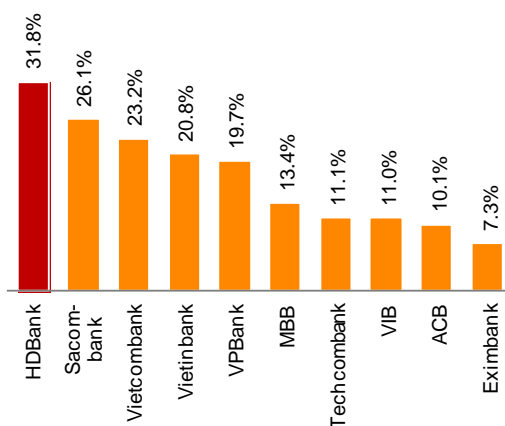
Tổng Tài Sản (tại ngày 30/9/2017)



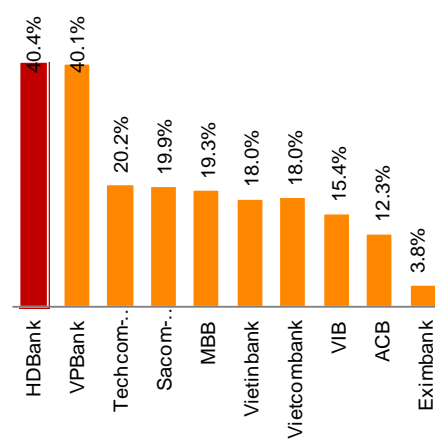
Tăng trưởng

Trong giai đoạn 2012 - 2016, HDBank đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 40% về dư nợ cho vay và 32% đối với số dư tiền gửi, so với mức trung bình ngành lần lượt là 12% và 14%, đứng hàng đầu trong ngành. Nguồn huy động của HDBank và HD Saison đã tăng đáng kể trong các năm qua, tăng trưởng bình quân lần lượt là 29% và 59% trong năm năm vừa qua. Tiền gửi tăng trưởng mạnh mẽ đã giúp thúc đẩy tăng trưởng cho vay và nâng cao khả năng sinh lợi.

Tăng trưởng CAGR tiền gửi (2012 - 2016)



Tăng trưởng CAGR cho vay (2012 - 2016)



Chất lượng tài sản và Tỷ lệ nợ xấu

Chiến lược của HDBank là ưu tiên tập trung vào những phân khúc có tiềm năng và tốc độ tăng

trường nhanh là Khối KHDN và Khối KHCN, đồng thời hạn chế lĩnh vực bất động sản và các doanh nghiệp Nhà nước, là nơi tập trung nhiều khoản nợ xấu, ảnh hưởng đến toàn ngành ngân hàng tại Việt Nam.

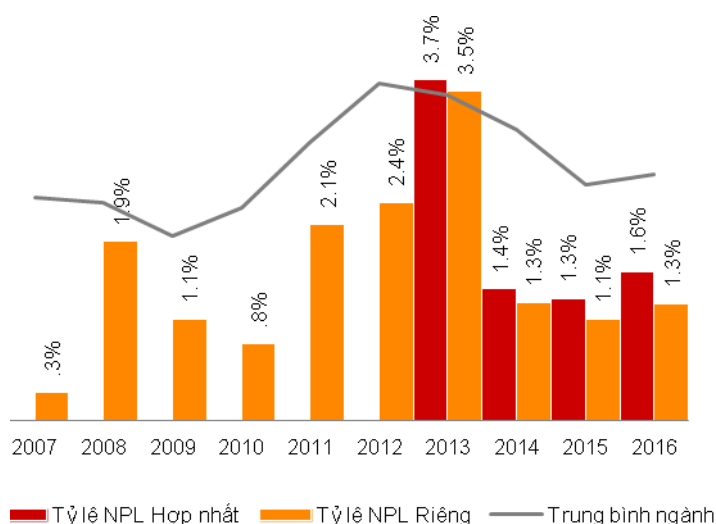
Tại ngày 30/09/2017, 96% của tổng danh mục cho vay của HDBank dành cho các khách hàng của Khối KHCN, Khối KHDN và Khối Tài chính Tiêu dùng. Điều này cho thấy được lợi thế cạnh tranh của HDBank so với các ngân hàng khác trong ngành.

Ngoài ra, HDBank đã xây dựng được hệ thống quản lý rủi ro hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và theo mô hình 3 tuyến bảo vệ của Basel. Hệ thống bao gồm kiểm tra và đánh giá độc lập bởi Ban kiểm soát / Kiểm toán viên nội bộ, triển khai hệ thống giám sát của các phòng ban tại Hội sở và Kiểm soát các giao dịch tại các đơn vị kinh doanh. Các hoạt động quản lý rủi ro tiên tiến của HDBank đã đem lại hiệu quả hoạt động tốt nhất thị trường. Tính đến ngày 31/12/2016, tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo hợp nhất (với HDSaison) và riêng lẻ của Ngân hàng lần lượt là 1,60% và 1,26%, đây là mức thấp nhất trong ngành ngân hàng. Trạng thái vốn của Ngân hàng hiện ở mức tốt, với hệ số an toàn vốn (CAR) tại thời điểm 30/9/2017 đạt 11,4%, và dự kiến tăng lên 14,4% vào cuối năm 2017, cao hơn nhiều mức quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (CAR 9%).

Nợ xấu của HDBank tiếp tục được cải thiện do Ngân hàng áp dụng nghiêm ngặt các quy trình thẩm định và cho vay cũng như công tác thu hồi nợ.

Hình 9: Chất lượng tài sản

Tỷ lệ NPL*



Nguồn: HDBank và World Bank

Ghi chú: (*) Tỷ lệ NPL được tính toán theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tăng trưởng tín dụng trong năm 2017 từ 21% lên 22%. Theo đó, đến tháng 09/2017, NHNN đã nâng trần tăng trưởng tín dụng đối với nhiều ngân hàng, bao gồm VCB và CTG từ 16% lên 18%, MBB từ 16% lên 20%, ACB từ 16% lên 20%. Và nhiều giải pháp đã được đưa ra gần đây để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng như sau:

Thứ nhất, NHNN ban hành Quyết định số 1424/QĐ-NHNN và Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017 về việc điều chỉnh lãi suất, theo đó, kể từ ngày 10/07/2017, NHNN sẽ giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành gồm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng; giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Thứ hai, NHNN đã ban hành dự thảo Thông tư để sửa đổi Thông tư 36, trong đó đưa ra tiến độ cho việc giảm dần mức trần đối với nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho tỷ lệ cho vay trung, dài hạn như sau:

Nội dung	Lộ trình cũ		Lộ trình mới		
	2017	2018	2017	2018	2019
Hệ số vốn ngắn hạn của ngân hàng dùng cho vay trung và dài hạn	50%	40%	50%	45%	40%

Nguồn: SSI Research

Theo Ngân hàng Nhà nước, nguồn vốn trung và dài hạn hiện tại chiếm 13% đến 15% tổng nguồn vốn, trong khi các khoản cho vay với thời hạn tương đương chiếm từ 53% đến 55% tổng dư nợ cho vay. Và như lộ trình trước đây, việc điều chỉnh mạnh trần hệ số vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn từ 50% trong năm 2017 xuống còn 40% vào năm 2018 có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên với dự thảo Thông tư 36 sửa đổi, các ngân hàng được nhận định sẽ có thêm dư địa để tăng trưởng tín dụng.

Thứ ba, tiền gửi không kỳ hạn của NHNN tại các NHTM ở mức 160 nghìn tỷ đồng, tăng 68% do việc giải ngân chậm vào dự án đầu tư công. Điều này đã giúp các ngân hàng duy trì được thanh khoản cao mặc dù tăng trưởng tiền gửi khách hàng có dấu hiệu chững lại. Bên cạnh đó, các ngân hàng tích cực vay vốn ngắn hạn từ các tổ chức tài chính nước ngoài để có nguồn vốn cho vay hiệu quả nhằm giảm chi phí vốn bình quân.

Năm 2018, Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng lợi nhuận ngành ngân hàng dự kiến sẽ tăng mạnh nhờ vào (i) Hệ số thu nhập lãi biên (NIM) cải thiện cộng với (ii) thu nhập bất thường từ hoàn nhập dự phòng và bán nợ xấu.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 19: Tình hình hoạt động tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất		
	Năm 2015	Năm 2015	9 tháng năm 2017	Năm 2015	Năm 2015	9 tháng năm 2017
1. Quy mô vốn						
Vốn điều lệ	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100
Tổng tài sản có	102.315	142.289	165.947	106.486	150.294	174.594
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	14,36%	12,87%	11,53%	13,70%	12,53%	11,38%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh						
Tổng giá trị huy động (tiền gửi và giấy tờ có giá)	79.883	108.742	122.495	82.390	114.327	128.698

Tổng dư nợ cho vay khách hàng	52.471	74.215	87.641	56.567	82.233	96.620
Nợ quá hạn	1.466	1.536	2.227	2.093	2.499	3.313
Nợ khó đòi	691	790	1.057	905	1.207	1.595
Hệ số sử dụng vốn	0,85%	1,12%	2,24%	1,28%	1,41%	2,26%
Tỷ lệ LNTT/VCSH bình quân	5,60%	9,10%	17,50%	8,30%	11,60%	18,00%
Tỷ lệ LNTT/Tổng tài sản bình quân	0,50%	0,70%	1,10%	0,80%	0,90%	1,20%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,24%	0,00%	0,90%			
Nợ bảo lãnh quá hạn	8	0	42			
Số dư bảo lãnh	3.326	3.833	4.645			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,79%	2,07%	2,54%	3,70%	3,04%	3,08%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	1,32%	1,06%	1,21%	1,60%	1,47%	1,65%

3. Khả năng thanh khoản

Khả năng thanh toán ngay	13,38%	25,22%	26,52%			
Tài sản có tính thanh khoản cao	12.455	33.233	40.809			
Nợ phải trả	93.107	131.787	153.852			
Khả năng thanh toán chung	102,10%	84,50%	85,90%	103,40%	83,70%	84,50%
Tổng dư nợ cho vay TDH	42.949	46.225	50.232	45.058	48.778	52.853
Nguồn vốn trung, dài hạn	13.362	15.903	13.349	14.228	17.777	15.638
Nguồn vốn ngắn hạn (40%)	28.685	38.833	45.122	29.330	40.505	46.925

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng/hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng năm 2017 của HDBank

Các hệ số trên được tính toán căn cứ theo các quy định hiện hành:

- (i). Thông tư 36/2014/TT-NHNN tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng
- (ii). Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 36/2014/TT-NHNN về tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng
- (iii). Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quy định của Thông tư 10/2014/TT-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào các chỉ tiêu tóm tắt trong giai đoạn từ năm 2015 đến 9 tháng năm 2017 cho thấy rằng HDBank đã có sự tăng trưởng vượt bậc cả về quy mô lẫn năng lực hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Quy mô Vốn điều lệ:

Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Ngân hàng đạt 9.810 tỷ đồng, tăng 21,11% so với thời điểm cuối năm 2016 thông qua các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (2%), phát hành cổ phiếu trả cổ tức (7%) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2017.

➤ Hệ số an toàn vốn CAR

Tính đến 31/12/2016, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất của HDBank đạt 12,8%, cao hơn mức trung bình của các ngân hàng thương mại cổ phần là 11,8% Tỷ lệ vốn cấp 1 và cấp 2 lần lượt là 8,6% và 4,2%.

Giai đoạn 2014 - 2016, sau thành công trong việc sáp nhập Ngân hàng Đại Á và mua lại 100% Công ty tài chính Việt SGVF, HDBank vẫn duy trì mức vốn điều lệ là 8.100 tỷ đồng bởi trong giai đoạn này tình hình huy động khá khó khăn, các ngân hàng khác đối diện với việc kiểm soát đặc biệt từ NHNN thậm chí có ngân hàng bị mua lại với giá không Đồng nên HDBank không tăng vốn trong thời gian này. Tuy nhiên, HDBank đã phát hành thành công 2.500 tỷ đồng trái phiếu 10 năm trong năm 2015 và 2016 để tăng nguồn vốn cấp 2, qua đó hệ số CAR của HDBank đã đạt 12,8% vào cuối năm 2016 và 11,4% tại thời điểm 30/09/2017. Và dự kiến hệ số này sẽ đạt 14,4% vào cuối năm 2017.

➤ **Tỷ lệ nợ xấu NPL:**

Kể từ năm 2015 trở đi, nợ xấu có khuynh hướng giảm dần và luôn duy trì ở ngưỡng dưới 2%. HDBank đã tích cực trong việc giám sát nợ, thu hồi và xử lý nợ xấu bằng nhiều hình thức, trong đó có việc bán nợ cho VAMC theo quy định và yêu cầu của NHNN. Dự nợ trái phiếu đặc biệt VAMC tính đến cuối tháng 09/2017 của HDBank là 2.004 tỷ đồng và đã trích dự phòng 824 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của HDBank hợp nhất lần lượt là 1,6%, 1,5% và 1,6% vào năm 2015, 2016 và 30/9/2017. HDBank đã và đang trích lập đầy đủ dự phòng theo đúng quy định của NHNN.

Hiệu quả hoạt động

Huy động vốn và Cho vay khách hàng là hai hoạt động đóng vai trò rất lớn trong hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng. Tổng huy động từ thị trường 1(bao gồm tiền gửi và giấy tờ có giá) của HDBank đạt giá trị 128.698 tỷ đồng trong 9 tháng năm 2017, tăng 12,6% so với năm 2016 và Tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 96.620 tỷ đồng (bao gồm hoạt động mua nợ), tăng 17,5% so với cuối năm 2016.

Thực tế cho thấy, trong hai năm gần đây, HDBank đã đạt được thành tích vượt bậc từ tăng trưởng nhanh tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế, dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân lần lượt là 18,0% và 1,2% trong 9 tháng năm 2017.

Tổng thu nhập hoạt động trong kỳ đạt 5.600 tỷ đồng, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm 2016 nhờ vào hiệu quả hoạt động rất tốt của HDBank trong năm từ việc giới thiệu sản phẩm mới, cải thiện chất lượng tài sản, thay đổi cấu trúc sản phẩm, bán chéo, cơ cấu huy động và sử dụng nguồn vốn tài chính hiệu quả hơn. Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất với 82,7% trên tổng thu nhập hoạt động nhờ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng (29,7% so với 30/9/2016) và việc mở rộng nhanh chóng của HD Saison (dư nợ của HD Saison tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2016).

Khả năng thanh khoản

Khả năng thanh toán ngay của HDBank (số liệu riêng lẻ HDBank) được cải thiện rõ qua từng năm, từ 13,38% (năm 2015) lên 26,52% (9 tháng năm 2017) nhờ tốc độ tăng trưởng của Tài sản có tính thanh khoản cao (227,6%) nhiều hơn so với tốc độ tăng của Nợ phải trả (65,2%) trong giai đoạn 31/12/2015 – 30/9/2017. HDBank luôn đảm bảo tốt tỉ lệ thanh toán ngay theo quy định của NHNN là tối thiểu 10%.

Trong khi đó, khả năng thanh toán chung luôn duy trì trên 83,7% trong giai đoạn từ 2015 đến nay, cho thấy Ngân hàng đang hạn chế dần tỷ trọng cho vay trung và dài hạn trên tổng nguồn vốn (ngắn, trung và dài hạn), từ mức 103,4% năm 2015 xuống 84,5% trong 9 tháng năm 2017 nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng cho toàn hệ thống HDBank. Việc điều chỉnh này nhờ vào cơ chế quản lý tốt các tài sản nợ và tài sản có thông qua Ủy ban ALCO, phòng ALM nhằm bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 và 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị %	% tăng giảm so với năm 2016	Giá trị %	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	9.943	14.972	50,58%	18.083	20,78%
Dư nợ cho vay khách hàng (tỷ đồng)	82.224	110.015	33,80%	148.510	34,99%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.148	2.372	106,62%	3.921	65,30%
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Dư nợ cho vay khách hàng	1,40%	2,16%	54,43%	2,64%	22,46%
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	11,55%	15,84%	37,22%	21,68%	36,86%
Cổ tức	7%	n/a	n/a	n/a	n/a

Nguồn: HDBank

13. Xếp hạng tín nhiệm

Moody's xếp hạng tín nhiệm của HDBank ở mức B2, với triển vọng ổn định. Đây là mức xếp hạng cao nhất mà tổ chức này dành cho các ngân hàng thương mại cổ phần không có vốn Nhà nước chi phối tại Việt Nam. Việc được Moody's xếp hạng tiền gửi nội tệ, ngoại tệ dài hạn và xếp hạng nhà phát hành ở mức B2, với triển vọng ổn định, phản ánh năng lực tài chính tốt và triển vọng phát triển bền vững của HDBank trong dài hạn.

Theo đánh giá của Moody's, HDBank là ngân hàng có điều kiện hoạt động ổn định, tính thanh khoản cao, mảng bán lẻ, tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng trưởng tốt, tính tuân thủ và hệ thống quản trị rủi ro an toàn, hiệu quả.

Trong nửa đầu năm 2017, tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi của HDBank đạt mức 12,1%, cao hơn mặt bằng chung của toàn ngành, nhờ triển khai đa dạng các loại sản phẩm huy động và mở rộng mạng lưới để tiếp cận khách hàng.

Việc được cơ quan xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới đánh giá cao đã tiếp nối chuỗi thành công của HDBank trong nỗ lực khẳng định uy tín quốc tế, cùng với định hướng vươn tới các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại của thế giới. Trong năm 2016, HDBank đã được ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) lựa chọn, đánh giá và cấp hạn mức tài trợ thương mại với giá trị lên đến 50 triệu USD.

Trước đó, HDBank đã được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 lần thứ hai vì những thành tích xuất sắc trong tái cơ cấu hệ thống ngân hàng: Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam vì thành tích xuất sắc trong triển khai các dự án sử dụng vốn ODA Quốc tế, ...

Ngoài ra, HDBank nhiều năm liền đã nhận được những giải thưởng Quốc tế uy tín: giải thưởng "Ngân hàng quản lý tốt nhất", "Doanh nghiệp quản lý tốt nhất khu vực Châu Á" do tạp chí Euromoney trao tặng, "Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất" do tạp chí Euromoney, Asiamoney trao tặng.